

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HCM**

ୱୱୱ



**ĐỀ ÁN**  
**MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2018*

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HCM**



**ĐỀ ÁN**  
**MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Tên ngành đào tạo : TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**  
**Mã số : 8340201**  
**Tên cơ sở đào tạo : Trường Đại học CNTP TP.HCM**  
**Trình độ đào tạo : Thạc sĩ**

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2018*

## MỤC LỤC

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	1
1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM .....	1
1.1. Giới thiệu chung .....	1
1.2. Kết quả khảo sát, phân tích đánh giá nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực trình độ Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng .....	4
1.3. Giới thiệu về Khoa Tài chính Kế toán.....	8
1.3.1. Chiến lược đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng.....	8
1.3.2. Các ngành đào tạo .....	12
1.3.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên.....	12
1.3.4. Cơ sở vật chất.....	12
1.4. Lý do đề nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sỹ ngành TCNH .....	13
PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO .....	15
2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo .....	15
2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo.....	15
2.1.2. Chuyên ngành đào tạo.....	15
2.1.3. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo .....	15
2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu .....	17
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo .....	17
2.3.1. Phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy .....	18
2.3.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo.....	19
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học .....	25
2.4.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện .....	25
2.4.2. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép ĐT của cơ sở ĐT trong 5 năm trở lại đây .....	26
2.4.3. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án và số lượng học viên cộng sự có thể tiếp nhận.....	34
2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.....	34
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO .....	36
3.1. Chương trình đào tạo .....	36

3.1.1. Ngành đào tạo.....	36
3.1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo .....	36
3.1.3. Mục tiêu đào tạo.....	42
3.1.3.1. Mục tiêu chung.....	42
3.1.3.2. Mục tiêu cụ thể.....	42
3.1.4. Chuẩn đầu ra .....	42
3.1.5. Khái quát chương trình .....	43
3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo .....	44
3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh .....	44
3.2.2. Kế hoạch đào tạo.....	47
3.2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo .....	53
3.3. Đề cương chi tiết các học phần .....	56
3.3.1. Triết học.....	56
3.3.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh .....	57
3.3.3. Thị trường tài chính và các định chế tài chính .....	59
3.3.4. Dự báo trong kinh doanh và kinh tế .....	60
3.3.5. Hệ thống thông tin quản lý .....	62
3.3.6. Luật kinh tế.....	65
3.3.7. Tiền tệ ngân hàng .....	68
3.3.8. Quản trị tài chính hiện đại .....	70
3.3.9. Báo cáo tài chính-phân tích, dự báo&định giá .....	72
3.3.10. Phân tích chính sách thuế .....	74
3.3.11. Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính.....	76
3.3.12. Mô hình tài chính.....	78
3.3.13. Tài chính quốc tế .....	80
3.3.14. Ngân hàng hiện đại .....	82
3.3.15. Quản trị ngân hàng hiện đại.....	84
3.3.16. Quản trị danh mục đầu tư .....	86
3.3.17. Quản trị dự án đầu tư.....	88
3.3.18. Quản trị chi phí.....	90
3.3.19. Kiểm soát nội bộ.....	92

#### PHẦN 4. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Kết quả đánh giá các học phần thuộc nhóm kiến thức chung.....	6
Bảng 1.2: Kết quả đánh giá các HP thuộc nhóm kiến thức cơ sở - bắt buộc .....	6
Bảng 1.3: Kết quả đánh giá các HP thuộc nhóm kiến thức CN - bắt buộc .....	7
Bảng 1.4: Kết quả đánh giá các học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở - tự chọn .....	7
Bảng 1.5: Kết quả đánh giá các HP thuộc nhóm kiến thức CN - tự chọn.....	8
Bảng 2.1: Số liệu sinh viên đào tạo các khóa từ 2010 đến 2017.....	16
Bảng 2.2: Số lượng phòng máy tính.....	18
Bảng 2.3: Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy .....	19
Bảng 2.4: Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo học tập .....	20
Bảng 3.1: Các môn học bổ sung, môn học được miễn đối với người có bằng đại học ngành gần.....	47
Bảng 3.2: Các môn học bổ sung, môn học được miễn đối với người có bằng đại học ngành khác .....	47
Bảng 3.3: Liệt kê danh mục các học phần trong chương trình đào tạo .....	48
Bảng 3.4: Kế hoạch đào tạo theo học kỳ .....	49

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018*

## **ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ**

- Tên ngành đào tạo: **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**
- Mã số : **8340201**
- Tên cơ sở đào tạo : Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM
- Trình độ đào tạo : Thạc sỹ

### **PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM**

##### **1.1. Giới thiệu chung**

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM được thành lập từ năm 1982, lịch sử hình thành và phát triển Trường được đổi tên và nâng cấp qua các giai đoạn sau:

Ngày 09/9/1982, Trường được thành lập theo quyết định số 986/CNTP của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Thực phẩm với tên gọi: Trường Cán bộ Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nghiệp vụ kinh tế, kỹ thuật cho các cơ sở thuộc ngành Công nghiệp Thực phẩm ở phía Nam.

Ngày 03/5/1986, Trường được đổi tên thành: Trường Trung học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 25/CNTP/TCCB của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Thực phẩm. Trường có nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kinh tế, kỹ thuật hệ Trung học cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh, sự nghiệp thuộc ngành Công nghiệp Thực phẩm ở các tỉnh, thành phố phía Nam.

Ngày 02/01/2001, Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo quyết định số 18/QĐ-BGD&ĐT-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Công nghiệp Thực

phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kinh tế, kỹ thuật có trình độ Cao đẳng và các trình độ thấp hơn.

Ngày 23/02/2010, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

***Thông tin về Trường:***

- Tên trường: Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tên giao dịch quốc tế: Ho Chi Minh City University of Food Industry.
- Tên viết tắt: HUFI.
- Trụ sở chính: 140 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM.
- Điện thoại: 84.8.38161673 – Fax: 84.8.38163320.
- Website: [www.hufi.edu.vn](http://www.hufi.edu.vn)

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh là một trường trọng điểm về đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật các ngành công nghệ; các cử nhân khối ngành kinh tế như Quản trị kinh doanh. So với các ngành của Trường, thì ngành Tài chính Kế toán có lượng sinh viên chiếm vị trí thứ hai. Bên cạnh đó, hàng năm lượng thí sinh nộp đơn vào ngành Tài chính Kế toán cũng chiếm đa số, vì thế điểm đầu vào luôn đứng vào hàng điểm cao của Trường.

Hiện nay, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh đang đào tạo bậc đại học 13 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Công nghệ cơ khí, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Kỹ thuật điện điện tử, Công nghệ hóa học, Kế toán, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ sinh học, Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ chế biến thủy sản, Tiếng Anh thương mại.

Lưu lượng sinh viên của trường tính đến tháng 4 năm 2017 là 16.132 sinh viên với 20 ngành theo hướng công nghệ, kế toán, quản trị kinh doanh, thương mại và du lịch bao gồm: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật nhiệt - điện lạnh; Cơ điện tử; Cơ khí chế tạo máy; Công nghệ hóa học; Hóa phân tích; Công

nghệ thực phẩm; Kỹ thuật chế biến món ăn; Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ may; Thiết kế thời trang; Công nghệ giày; Hướng dẫn du lịch; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch & Lữ hành; và Công nghệ hóa nhựa.

Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng làm việc trong các nhà máy, công ty, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, trung tâm, viện. Riêng sinh viên Tài chính Kế toán tham gia vào các vị trí quản lý, chuyên viên điều hành ở các cấp quản trị, làm việc tại các bộ phận trong mọi loại hình tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh; Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về Tài chính Kế toán tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

Trường đã phát triển một đội ngũ giảng viên trẻ có năng lực kết hợp với những giảng viên có kinh nghiệm. Trong đó, đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ sau đại học chiếm 100%. Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu, trường có một đội ngũ giảng viên thỉnh giảng với gần 200 giảng viên có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ có kinh nghiệm giảng dạy đến từ các cơ sở đào tạo uy tín khu vực phía Nam và cả nước.

Kết quả đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.Hồ Chí Minh:

Hiện nay, Trường đang đào tạo 13 ngành và chuyên ngành ở bậc đại học, trong đó có một số ngành và chuyên ngành mới như: Quản trị kinh doanh, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Tài chính - Ngân hàng, Công nghệ sinh học, Công nghệ Thông tin, Công nghệ chế biến thủy sản. Đặc biệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra quyết định số 1219/QĐ-BGDĐT Ngày 10/04/2014 cho phép Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM (HUFI) và Trường Đại học Meiho – Đài Loan (Meiho) được phép liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm từ năm học 2014 - 2015.

Quy mô đào tạo của Trường ngày càng tăng mạnh: từ vài nghìn sinh viên giai đoạn đầu thành lập, đến nay đã tăng lên hơn 16.000 sinh viên. Cùng với quy mô thì chất lượng đào tạo được đảm bảo và từng bước nâng cao. Theo kết quả điều tra, khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp (thuộc dự án GDDH - Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì



số lượng sinh viên của Trường có việc làm sau 06 tháng là trên 80%, trong đó 85% sinh viên có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Nguồn nhân lực do trường đào tạo đáp ứng được trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ, kinh tế ở khắp mọi miền của Tổ quốc đặc biệt là các tỉnh khu vực phía nam; Đổi mới chương trình Quản trị, nội dung đào tạo cho tất cả các môn học, hơn 100 giáo trình được biên soạn, bổ sung, in mới 50 giáo trình, xây dựng 50 môn học mới cho các bậc đào tạo phù hợp với yêu cầu đổi mới đào tạo đại học.

Đào tạo sau đại học, Nhà trường đã và đang đẩy mạnh về đào tạo sau đại học với các ngành thế mạnh của nhà trường như: Kỹ thuật Hóa học, Kỹ thuật Môi trường, Công nghệ sinh học, Công nghệ Thực phẩm, Kỹ thuật Cơ khí, Quản trị kinh doanh và sắp tới là Tài chính - Ngân hàng. Ngoài ra, trường cũng đã liên kết đào tạo với một số địa phương, doanh nghiệp ngành đào tạo theo nhu cầu.

Quá trình tổ chức đào tạo và liên kết đào tạo đảm bảo, đúng quy định, quy trình và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương.

## **1.2. Kết quả khảo sát, phân tích đánh giá nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực trình độ Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng**

### **➤ Đối tượng và địa bàn và khảo sát**

- Số phiếu khảo sát phát ra 280 phiếu, phiếu hợp lệ thu về 268 phiếu;
- Giới tính đối tượng khảo sát: 124 nam (tỷ lệ 46%) và 144 nữ (tỷ lệ 54%);
- Nghề nghiệp hiện tại: 51% nhân viên, 18% quản lý, 1% giảng viên, 31% đối tượng khác;
- Trình độ chuyên môn: 90% Đại học, 6% Thạc sỹ và 4% đối tượng khác;
- Chuyên ngành đào tạo: 37% TCNH, 41% Kế toán, 10% Quản trị và 12% đối tượng khác;
- Thời gian đã tốt nghiệp Đại học: 49% dưới 3 năm, 14% từ 3-5 năm và 38% trên 5 năm;
- Trình độ ngoại ngữ: Ngôn ngữ Anh có 66% có trình độ B1, 32% có trình độ B2 và 2% có trình độ Đại học.

### **➤ Kết quả khảo sát**

Nhằm đánh giá nhu cầu đào tạo và tầm quan trọng đối với chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng, Khoa Tài chính Kế toán thực hiện việc khảo sát trên cơ

sở phát ra 280 phiếu khảo sát và thu về 268 phiếu hợp lệ. Kết quả khảo sát (*Xem Phụ lục – Báo cáo kết quả khảo sát mở ngành đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng*) được tổng hợp và phản ánh thực trạng như sau:

– *Về nhu cầu học thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng*

Theo kết quả khảo sát có 71% người được hỏi cho rằng cần thiết và 29% cho rằng không cần thiết.

– *Về dự định tiếp tục học chương trình đào tạo thạc sĩ*

Kết quả khảo sát có 63% người được hỏi cho rằng dự định sẽ học chương trình đào tạo thạc sĩ và 37% cho rằng chưa có dự định.

– *Về dự định chọn ngành học ở bậc thạc sĩ*

Theo kết quả khảo sát có 63% dự định theo học ngành Tài chính - Ngân hàng, 22% học Kế toán và 15% học ngành khác.

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng khi quyết định theo học chương trình thạc sĩ, người học thường cân nhắc các yếu tố như: Học phí (22%), sợ khó khăn (16%), không có thời gian (59%) và các yếu tố khác (3%). Những yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến quyết định lựa chọn Trường để theo học của người học như: Học phí (23%), chất lượng đào tạo (38%), sự danh tiếng của trường (19%), gần nhà (9%), đội ngũ giảng viên (10%) và các yếu tố khác (1%).

Kết quả khảo sát có 56% đối tượng được hỏi lựa chọn chương trình Thạc sĩ ứng dụng (đào tạo 18 tháng, 44 tín chỉ, không làm luận văn, nhưng không được học tiếp lên Nghiên cứu sinh) và 44% lựa chọn chương trình Thạc sĩ, Thạc sĩ nghiên cứu (đào tạo 24 tháng, 60 tín chỉ, làm luận văn tốt nghiệp, được học tiếp lên Nghiên cứu sinh).

– *Về đánh giá tầm quan trọng của chương trình đào tạo*

Kết quả khảo sát đánh giá về tầm quan trọng của chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng với thang đo likert 5 điểm: (1) Rất không quan trọng, (2) Không quan trọng, (3) Trung lập, (4) Quan trọng và (5) Rất quan trọng, cho kết quả như sau:

**Bảng 1.1: Kết quả đánh giá các học phần thuộc nhóm kiến thức chung**

STT	Tên học phần	Điểm đánh giá TB	Tỷ lệ đánh giá theo thang điểm				
			1	2	3	4	5
1	Triết học	2.76	12.3%	20.5%	48.5%	16.4%	2.2%
2	Anh văn chuyên ngành	4.20	1.9%	2.6%	11.2%	42.2%	42.2%
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.63	3.7%	5.6%	31.7%	42.2%	16.8%

*Nguồn: Khoa khảo sát & xử lý số liệu trên SPSS*

Kết quả khảo sát nhóm kiến thức chung ở bảng 1.1 cho thấy học phần Triết học có điểm đánh giá trung bình về tầm quan trọng ở mức thấp nhất (2,76), các môn học còn lại đều ở mức đánh giá cao.

Tỷ lệ đánh giá về mức độ quan trọng của học phần Anh văn chuyên ngành đạt mức 84,4%, Phương pháp nghiên cứu khoa học là 59%, trong khi đó học phần Triết học chỉ ở mức 18,6%.

**Bảng 1.2: Kết quả đánh giá các HP thuộc nhóm kiến thức cơ sở - bắt buộc**

STT	Tên học phần	Điểm đánh giá TB	Tỷ lệ đánh giá theo thang điểm				
			1	2	3	4	5
1	Tiền tệ - Ngân hàng	3.76	0.0%	4.5%	23.5%	63.8%	8.2%
2	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	3.81	1.9%	1.9%	23.5%	58.6%	14.2%
3	Kinh tế lượng ứng dụng	3.60	0.0%	9.0%	34.0%	45.5%	11.6%

*Nguồn: Khoa khảo sát & xử lý số liệu*

Kết quả khảo sát nhóm kiến thức cơ sở - bắt buộc ở bảng 1.2 cho thấy các học phần có điểm đánh giá trung bình về tầm quan trọng ở mức cao (trên 3,60).

Tỷ lệ đánh giá về mức độ quan trọng của học phần Tiền tệ - Ngân hàng đạt mức 72,0%, Thị trường tài chính và các định chế tài chính là 72,8% và Kinh tế lượng ứng dụng là 57,1%.

**Bảng 1.3: Kết quả đánh giá các HP thuộc nhóm kiến thức CN - bắt buộc**

STT	Tên học phần	Điểm đánh giá TB	Tỷ lệ đánh giá theo thang điểm				
			1	2	3	4	5
1	Quản trị tài chính hiện đại	3.81	1.9%	4.1%	24.6%	50.0%	19.4%
2	Báo cáo TC – phân tích, dự báo và định giá	4.20	0.0%	3.7%	9.0%	51.1%	36.2%
3	Phân tích chính sách thuế	3.86	1.9%	4.1%	22.8%	48.5%	22.8%
4	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	3.66	2.2%	4.5%	28.7%	53.7%	10.8%
5	Quản trị chi phí	3.99	1.9%	4.1%	13.4%	54.9%	25.7%

*Nguồn: Khoa khảo sát & xử lý số liệu*

Kết quả khảo sát nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc ở bảng 1.3 cho thấy các học phần có điểm đánh giá trung bình về tầm quan trọng ở mức cao (trên 3,66).

Tỷ lệ đánh giá về mức độ quan trọng của học phần quản trị tài chính hiện đại đạt mức 69,4%, Báo cáo TC – phân tích, dự báo và định giá là 87,3%, Phân tích chính sách thuế là 71,3%, Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro là 64,5% và Quản trị chi phí là 80,6%.

**Bảng 1.4: Kết quả đánh giá các học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở - tự chọn**

STT	Tên học phần	Điểm đánh giá TB	Tỷ lệ đánh giá theo thang điểm				
			1	2	3	4	5
1	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	3.74	0.0%	8.2%	28.7%	44.4%	18.7%
2	Hệ thống thông tin quản lý	3.65	0.0%	9.0%	31.7%	44.8%	14.6%
3	Luật kinh tế	3.82	0.0%	10.8%	23.1%	39.2%	26.9%

*Nguồn: Khoa khảo sát & xử lý số liệu*

Kết quả khảo sát nhóm kiến thức cơ sở-tự chọn ở bảng 1.4 cho thấy các học phần có điểm đánh giá trung bình về tầm quan trọng ở mức cao (trên 3,65).

Tỷ lệ đánh giá về mức độ quan trọng của học phần Dự báo trong kinh doanh và kinh tế đạt mức 63,1%, Hệ thống thông tin quản lý là 59,4%, và Luật kinh tế là 66,1%.

**Bảng 1.5: Kết quả đánh giá các HP thuộc nhóm kiến thức CN - tự chọn**

STT	Tên học phần	Điểm đánh giá TB	Tỷ lệ đánh giá theo thang điểm				
			1	2	3	4	5
1	Kế toán quản trị	3.72	1.9%	0.7%	36.2%	45.9%	15.3%
2	Kiểm toán	3.82	2.2%	1.9%	29.9%	43.7%	22.4%
3	Mô hình tài chính	3.66	1.9%	2.2%	35.1%	49.3%	11.6%
4	Tài chính quốc tế	3.75	1.9%	2.2%	24.6%	61.6%	9.7%
5	Ngân hàng hiện đại	3.89	0.0%	5.6%	19.0%	56.0%	19.4%
6	Quản trị ngân hàng hiện đại	3.78	1.9%	4.1%	30.2%	41.4%	22.4%
7	Quản trị danh mục đầu tư	3.76	1.9%	4.1%	25.4%	53.4%	15.3%
8	Quản trị dự án đầu tư	3.79	1.9%	4.5%	23.9%	52.6%	17.2%

*Nguồn: Khoa khảo sát & xử lý số liệu*

Kết quả khảo sát nhóm kiến thức chuyên ngành-tự chọn ở bảng 1.5 cho thấy các học phần có điểm đánh giá trung bình về tầm quan trọng ở mức cao (trên 3,66).

Tỷ lệ đánh giá về mức độ quan trọng của học phần Kế toán quản trị đạt mức 61,2%, Kiểm toán là 66,1%, Mô hình tài chính đạt mức 60,9%, Tài chính quốc tế là 71,3%, Ngân hàng hiện đại là 75,4%, Quản trị ngân hàng hiện đại là 63,8%, Quản trị danh mục đầu tư là 68,7% và Quản trị dự án đầu tư là 69,8%.

#### ***Tóm tắt:***

Qua kết quả khảo sát đã chỉ ra rằng nhu cầu học viên đối với chương trình thạc sĩ Tài chính ngân hàng ở mức tương đối cao (71%), tỷ lệ học viên có dự định tham gia khóa học thạc sĩ Tài chính ngân hàng là 63%. Điều này có thể kết luận rằng nhu cầu đối với chương trình thạc sĩ Tài chính ngân hàng là có thật và mang tính khả thi cao.

Về nội dung chương trình đào tạo, kết quả khảo sát về tầm quan trọng đối với chương trình cũng như từng học phần đều thể hiện tỷ lệ đánh giá tương đối cao và có tính khả thi khi áp dụng chương trình này.

### **1.3. Giới thiệu về Khoa Tài chính Kế toán**

#### **1.3.1. Chiến lược đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng**

Trải qua 35 năm trưởng thành và phát triển của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, Khoa Tài chính Kế toán đã trở thành một trong các đơn

vị đào tạo cử nhân ngành Tài chính Kế toán có chất lượng cao trong khối trường đại học công lập.

Khoa Tài chính Kế toán đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng cao thông qua việc trở thành cơ sở đào tạo có uy tín cung ứng các cử nhân, nhân viên và chuyên viên đa ngành và các lãnh đạo doanh nghiệp đáng tin cậy trong thời đại toàn cầu hoá. Với mục tiêu cung cấp kiến thức gắn liền với ứng dụng thực tiễn, Khoa đã và đang nâng cao các hoạt động đào tạo chuyên sâu trong đào tạo đại học, nghiên cứu khoa học và tư vấn trong lĩnh vực tài chính kế toán, hướng tới đào tạo sau đại học ngành Tài chính - Ngân hàng.

Để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Tài chính - Ngân hàng theo nhu cầu của các tổ chức doanh nghiệp ngân hàng cho nền kinh tế hội nhập, Khoa Tài chính Kế toán đã đề ra chiến lược phát triển của Khoa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

### ***(1) Chiến lược phát triển đào tạo***

- Mục tiêu chiến lược của khoa Tài chính Kế toán là trở thành một đơn vị nằm trong top 10 các Trường phía Nam về đào tạo kiến thức thực hành về Tài chính - Ngân hàng cho sinh viên và cán bộ quản lý doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Khoa Tài chính Kế toán luôn là một địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh trong việc lựa chọn nơi học tập đại học cho con em mình; một địa chỉ uy tín cho các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao về tài chính kế toán giỏi nghề và thạo việc; và là nơi lưu giữ những kỷ niệm tốt đẹp và niềm tự hào của các em sinh viên tốt nghiệp vì đã được rèn luyện đúng về nhân cách và được trang bị đầy đủ nền tảng kiến thức và kỹ năng cho việc phát triển sự nghiệp.
- Khoa tiếp tục mở rộng và đa dạng hoá ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội và sự phát triển của nền kinh tế.
- Khoa từng bước chủ động và hợp tác với các trường đại học trong nước và nước ngoài để mở các chương trình đào tạo ở bậc học cử nhân, thạc sỹ, hướng dẫn chương trình thực tập sinh nước ngoài.

- Khoa luôn tạo môi trường và cơ hội học tập cho học viên nhằm phát huy hết khả năng của học viên cũng như phát triển đầy đủ các kỹ năng cần thiết của học viên.
- Khoa phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo đạt chuẩn quốc gia và quốc tế.

### **(2) Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính kế toán đạt chuẩn về kiến thức như sau:

- Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Tài chính kế toán.
- Có kiến thức bao quát về nền kinh tế, kiến thức cơ sở về kinh tế và quản lý bao gồm: Kinh tế học vi mô và vĩ mô, Luật kinh tế, Marketing căn bản, Nguyên lý kế toán, Quản trị học, Pháp luật đại cương,...
- Hiểu, biết, và vận dụng kiến thức ngành và kiến thức thực tế cập nhật về Tài chính kế toán bao gồm: Tài chính - Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán quản trị, Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, ...
- Có kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Tài chính kế toán bao gồm: Tài chính - Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Chứng khoán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán ...
- Có kiến thức bổ trợ khác cho việc phát triển sự nghiệp như: Nghệ thuật lãnh đạo, Văn hóa doanh nghiệp,...

### **(3) Phát triển chất lượng đào tạo**

- Tăng cường số lượng, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy.
- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Phát triển chương trình, nâng cao chất lượng giáo trình, đổi mới cách dạy học.
- Nâng cao năng lực quản lý.

### **(4) Loại hình, cấp đào tạo**

- Loại hình: Chính quy, liên thông, vừa làm vừa học.
- Cấp bậc đào tạo: Cao đẳng, Đại học và Sau Đại học.

### ***(5) Chiến lược về Chương trình đào tạo***

Chiến lược phát triển của Khoa Tài chính Kế toán là đào tạo cử nhân có tác phong làm việc chuyên nghiệp, giàu kiến thức và kỹ năng Tài chính Kế toán cần thiết để sẵn sàng đảm nhận các vị trí then chốt trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng làm việc theo nhóm, độc lập trong suy nghĩ và sáng tạo, có kỹ năng giao tiếp tốt, có hiểu biết cơ bản về pháp luật và xã hội.

Chương trình đào tạo bậc đại học của Khoa gồm hai ngành: Tài chính - Ngân hàng và kế toán.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng và kế toán có thể bắt đầu sự nghiệp bằng các vị trí nhân viên, kế toán viên tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, các công ty đa quốc gia, các tập đoàn lớn trong nước hoặc làm việc như một chuyên gia trong các lĩnh vực mà mình được đào tạo như: Tài chính - Ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, chứng khoán, kế toán, kiểm toán,... Những sinh viên tốt nghiệp Tài chính Kế toán cũng có thể từng bước tiếp quản, quản lý doanh nghiệp gia đình, hoặc khởi nghiệp bằng cách chung vốn lập công ty cổ phần để thực hiện ý tưởng và chiến lược kinh doanh của riêng mình.

### ***(6) Định hướng nghiên cứu của khoa Tài chính Kế toán***

Để làm tốt công tác nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ giảng dạy và hỗ trợ các doanh nghiệp một cách có hiệu quả, Khoa đã phát triển một số định hướng nghiên cứu như sau:

- Nghiên cứu các nội dung về Tài chính - Ngân hàng, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, các nội dung kỹ năng về quản lý, tổ chức doanh nghiệp.
- Một số vấn đề liên quan đến quản trị nguồn vốn, cơ cấu vốn và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong nước, hoạt động của thị trường chứng khoán và các quỹ đầu tư, tìm hiểu cơ hội ứng dụng các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực tài chính kế toán;
- Những cơ hội, thách thức và giải pháp đối với doanh nghiệp trong và ngoài nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, hợp tác và cạnh tranh trong các công ty đa quốc gia;
- Mở rộng các loại hình đào tạo Thạc sỹ Tài chính, Kế toán (trước mắt là Tài chính - Ngân hàng) theo định hướng ứng dụng. Hướng phát triển này đáp ứng



tốt hơn nhu cầu đa dạng của xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và tiến tới hội nhập với đào tạo sau đại học của khu vực và thế giới.

### **1.3.2. Các ngành đào tạo**

Cùng với lịch sử hình thành và phát triển của nhà trường, Khoa Tài chính Kế toán đã đào tạo đội ngũ trí thức có chuyên môn cao trong lĩnh vực tài chính kế toán đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực của xã hội.

Hiện nay, Khoa Tài chính Kế toán đã có nhiều thay đổi và trưởng thành về mọi mặt. Số lượng sinh viên đang theo học tại khoa gồm tài chính và kế toán, mỗi năm cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội khoảng 730 nhân viên, chuyên viên, cán bộ quản lý phục vụ cho sự phát triển của ngành Tài chính - Ngân hàng và kế toán của đất nước.

Khoa Tài chính Kế toán có các ngành đào tạo và các hệ đào tạo như sau:

- **Ngành đào tạo:**
- + Tài chính với mã ngành 52340201
- + Kế toán với mã ngành 52340301
- **Các hệ đào tạo:**
- + Đại học chính quy
- + Đại học liên thông
- + Cao đẳng chính quy

### **1.3.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên**

Khoa Tài chính Kế toán gồm 2 tổ bộ môn: Tài chính và Kế toán.

Tổng số viên chức trong khoa có 43 người, trong đó: 42 giảng viên (01 PGS.TS, tỷ lệ 2.4%; 7 Tiến sĩ, tỷ lệ 17%; 05 Nghiên cứu sinh, tỷ lệ 11,9%; 29 Thạc sĩ, tỷ lệ 69 %; 01 giáo vụ khoa (đang học cao học).

Khoa Tài chính Kế toán có một đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, với trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, với nhiều năm làm việc thực tế tại các Ngân hàng thương mại doanh nghiệp nhà máy, xí nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực. Đội ngũ giảng viên trong khoa trẻ, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê nghiên cứu khoa học có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

### **1.3.4. Cơ sở vật chất**

Khoa được nhà trường trang bị cho một hệ thống giảng đường học lý thuyết, thư viện của trường với hơn 36.000 đầu sách và thư viện chuyên ngành của khoa Tài

chính Kế toán với hơn 1.000 đầu sách chuyên ngành phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong khoa.

### **1.3.5. Tình hình sử dụng nhân lực chuyên ngành Tài chính Kế toán**

Từ khi thành lập cho đến nay, Khoa Tài chính Kế toán đã cung cấp nguồn lực cho xã hội, số lượng sinh viên tốt nghiệp từ Khoa Tài chính Kế toán được các doanh nghiệp, ngân hàng đánh giá cao về chuyên môn, kỹ năng và các sinh viên được các doanh nghiệp đặt hàng hay tuyển chọn ngay khi các em đang thực tập, chưa tốt nghiệp ra trường...

Tháng 10/2017 Khoa tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2014 - 2016, kết quả cho thấy 91,92% sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm, còn 8,08% đang tìm việc hay đợi thư trả lời từ nhà phỏng vấn. Hầu hết các sinh viên đều có việc làm sau khi ra trường, thậm chí ngay khi đang trong giai đoạn thực tập. Cụ thể, trong vòng 03 tháng sau khi tốt nghiệp là 87,91%, trong vòng từ 03-06 tháng có tỷ lệ 10,99%.

Loại hình doanh nghiệp mà sinh viên tốt nghiệp đã làm việc trong các doanh nghiệp rất đa dạng, gồm: doanh nghiệp nhà nước (6,06%), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (11,11%), ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần (21,21%), công ty liên doanh (3,03%), doanh nghiệp tư nhân (49,5%), công ty TNHH (9,09%).

### **1.4. Lý do đề nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng**

Khoa Tài chính Kế toán của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh là một trong những Khoa đã có nền tảng và uy tín về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học cho thị trường đã và đang phát triển nhanh ở khu vực phía Nam, đặc biệt là tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

Khoa Tài chính Kế toán đã tích lũy đủ năng lực và điều kiện để mở chương trình đào tạo ở bậc sau đại học với chất lượng cao.

Theo quy hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực thời kỳ 2011 - 2020 của Chính phủ, số nhân lực qua đào tạo ở bậc trên đại học đạt 200 nghìn người vào năm 2015 và 300 nghìn người vào năm 2020 (Quyết định số 1216/QĐ-TTg, ngày 22/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

Năm 2017, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo 500 thạc sỹ, tiến sỹ cho cán bộ, công chức trẻ, có triển vọng và năng lực, trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: quy hoạch và quản lý đô thị, môi trường, quản lý nhà nước và Tài chính Kế toán (Quyết định số 6284/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh).

Tài chính Kế toán luôn là một trong những ngành hấp dẫn, đặc biệt là trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong những năm gần đây. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, các công ty chứng khoán. Khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp lớn, liên doanh, doanh nghiệp hoạt động ngoài nước cũng đang rất phát triển. Tổng số doanh nghiệp thực tế đang hoạt động (không bao gồm các doanh nghiệp đã đăng ký, chưa đi vào hoạt động, các doanh nghiệp ngừng hoạt động có đăng ký) do ngành Thống kê điều tra, cập nhật vào thời điểm 31/12/2017 trên phạm vi cả nước là 477.808 doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, trong sự kiện chào đón Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) năm 2015, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã dự báo, nếu được quản lý hiệu quả, AEC sẽ thúc đẩy sự phát triển của các nền kinh tế trong khu vực thêm 7,1% vào năm 2025 và tạo ra 14 triệu việc làm mới. Trong đó, Việt Nam là nơi tập trung tới 1/6 lực lượng lao động của khu vực ASEAN, mà nguồn nhân lực Tài chính Kế toán là không thể thiếu.

Như vậy, cần phải có một đội ngũ cán bộ có trình độ cao ngành Tài chính – Ngân hàng để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực và mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước. Đây chính là lý do Khoa Tài chính Kế toán kính đề nghị Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giáo dục và Đào tạo TP.Hồ Chí Minh cho phép đào tạo Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng.

## **PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

### **2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo**

#### **2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo**

Khoa Tài chính Kế toán trực thuộc Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Trụ sở chính: 140 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. HCM.

Cùng với lịch sử hình thành và phát triển của nhà trường, khoa Tài chính Kế toán đã đào tạo đội ngũ trí thức có chuyên môn cao trong lĩnh vực tài chính và kế toán đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực của xã hội.

Hiện nay, khoa Tài chính Kế toán đã có nhiều thay đổi và trưởng thành về mọi mặt. Số lượng sinh viên đang theo học tại khoa gồm hai ngành chính là tài chính và kế toán không ngừng tăng về số lượng tuyển sinh hàng năm.

#### **2.1.2. Chuyên ngành đào tạo**

Khoa Tài chính Kế toán có các ngành và các hệ đào tạo như sau:

- **Ngành đào tạo:**
  - + Tài chính – Ngân hàng
  - + Kế toán – Kiểm toán
- **Các hệ đào tạo:**
  - + Đại học chính quy
  - + Đại học liên thông
  - + Cao đẳng chính quy
  - + Cao đẳng liên thông
  - + Cao đẳng nghề

#### **2.1.3. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo**

Quy mô sinh viên: đang đào tạo 730 sinh viên đang theo học tại các chuyên ngành. Sinh viên tốt nghiệp được các tổ chức, doanh nghiệp đánh giá có kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng thực hành tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, tư duy hiệu quả & sáng tạo, học hỏi và không ngừng nâng cao kiến thức. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, lối sống lành mạnh, luôn tuân thủ quy định, chính sách, pháp luật nhà

nước. Hiện tại, Khoa Tài chính Kế toán được đánh giá cao trong công tác giảng dạy và học tập, được xã hội đánh giá là nơi đào tạo có uy tín.

Số khóa và số sinh viên của ngành đăng ký đào tạo đã tốt nghiệp trình độ cử nhân, thạc sỹ.

**Bảng 2.1: Số liệu sinh viên đào tạo các khóa từ 2010 đến 2017**

<b>TT</b>	<b>Các hệ đào tạo</b>	<b>Số sinh viên hiện có</b>	<b>Số khóa ra trường năm 2010-2015</b>	<b>Số sinh viên tốt nghiệp 2014-2015</b>	<b>Tỉ lệ tốt nghiệp %</b>
1	Đại học chính quy	1744	02	513	13.49
2	Đại học liên thông	188	04	1675	44.04
3	Cao đẳng chính quy	370	05	416	10.94
4	Cao đẳng liên thông	0	04	726	19.09
5	Cao đẳng nghề	0	05	262	6.89
6	Trung cấp chuyên nghiệp	0	06	211	5.55
<b>Tổng</b>		<b>2302</b>	<b>26</b>	<b>3803</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

Từ khi thành lập cho đến nay, khoa Tài chính Kế toán đã cung cấp nguồn lực cho xã hội, số lượng sinh viên tốt nghiệp từ khoa Tài chính Kế toán được các doanh nghiệp, ngân hàng đánh giá cao về chuyên môn, kỹ năng và các sinh viên được các doanh nghiệp đặt hàng từ khi chưa tốt nghiệp ra trường. Các sinh viên của Khoa không những năng động trong học tập, mà còn tham gia nhiệt tình các công tác xã hội trong và ngoài trường. Mỗi khóa tốt nghiệp đều có những sinh viên trúng tuyển vào các doanh nghiệp hay các ngân hàng thương mại có uy tín lớn trên thị trường

Tháng 10/2017 Khoa tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2014-2016, kết quả cho thấy 91,92% sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm, còn 8,08% đang tìm việc hay đợi thư trả lời từ nhà phỏng vấn. Hầu hết các sinh viên đều có việc làm sau khi ra trường, thậm chí ngay khi đang trong giai đoạn thực tập. Cụ thể, trong vòng 03 tháng sau khi tốt nghiệp là 87,91%, trong vòng từ 03-06 tháng có tỷ lệ 10,99%.

Loại hình doanh nghiệp mà sinh viên tốt nghiệp đã làm việc trong các doanh nghiệp rất đa dạng, gồm: doanh nghiệp nhà nước (6,06%), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (11,11%), ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần (21,21%), công ty liên doanh (3,03%), doanh nghiệp tư nhân (49,5%), công ty TNHH (9,09%).

## **2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu**

Khoa Tài chính Kế toán có một đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, với trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, với nhiều năm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại lớn trong nước. Đội ngũ giảng viên trong khoa trẻ, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê nghiên cứu khoa học có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo đã đăng ký trong hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo gồm: 16 giảng viên, trong đó 04 PGS.TS, 12 Tiến sĩ (Xem Phụ lục 1 đề án).

Tổng số viên chức trong khoa có 43 người, trong đó: 42 giảng viên (01 PGS.TS, tỷ lệ 2.4%; 7 Tiến sĩ, tỷ lệ 17%; 05 Nghiên cứu sinh, tỷ lệ 11,9%; 29 Thạc sĩ, tỷ lệ 69 %; 01 giáo vụ khoa (đang học cao học).

## **2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo**

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác xây dựng vật chất, thời gian qua đã tập trung kinh phí xây dựng cơ sở vật chất từ đó đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu của Khoa. Trường có 05 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất (19,31ha). Trong đó,

- Cơ sở 1: Số 54/12 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh có diện tích 3.085,3 m<sup>2</sup> với diện tích sàn xây dựng 5.454 m<sup>2</sup>;
- Cơ sở 2: Số 140 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh có diện tích 10.099 m<sup>2</sup> với diện tích sàn xây dựng 10.858,7m<sup>2</sup>, năm;
- Cơ sở 3: Ấp Giồng Trôm, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có diện tích 153.529,8m<sup>2</sup> với diện tích sàn xây dựng 6.075m<sup>2</sup>;
- Cơ sở 4: Số 102 – 104 – 106 Nguyễn Quý Anh, Phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh có diện tích 1.313,5 m<sup>2</sup> với diện tích sàn xây dựng 5.472 m<sup>2</sup>;

- Cơ sở 5: Thửa đất số 512, tờ bản đồ số 7, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh (nay là phường Tây Thạnh, quận Tân Phú) với diện tích 15.257,7m<sup>2</sup> thêm 3 cơ sở thuê.

Trường hiện có cơ sở 2 là nơi điều hành chung hoạt động của Trường, nơi làm việc của lãnh đạo Trường, các khoa, phòng, ban, trung tâm, văn phòng Đảng bộ và các đoàn thể. Để đáp ứng yêu cầu đào tạo, Trường có qui hoạch xây dựng được khu hiệu bộ. Để thuận lợi cho việc điều hành, quản trị, nhà trường đã bố trí, phân chia việc sử dụng các phòng làm việc trong Trường cho các phòng chức năng và cán bộ các khoa, phòng, ban, trung tâm. Hiện tại, Trường có tổng số 120 phòng học lý thuyết (9.329 chỗ ngồi), 02 giảng đường lớn (750 chỗ ngồi), trong đó có 25 phòng máy tính (881 chỗ ngồi), 38 phòng thí nghiệm và 28 phòng thực hành, xưởng thực tập (tổng số chỗ ngồi 2.725). Tổng diện tích sử dụng là 18.154 m<sup>2</sup>. Bình quân diện tích phòng học/SV là 1,92 m<sup>2</sup>/SV. Tần suất sử dụng phòng học trung bình chiếm tỷ lệ 46%. Phòng học lý thuyết được Trường trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy như âm thanh, ánh sáng, máy chiếu projector, LCD đáp ứng tốt yêu cầu của chủ trương đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy. Trường có đủ các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập đáp ứng nhu cầu thực hành, thí nghiệm và nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên các ngành học. Trong các phòng học được bố trí bàn ghế ngồi cho giảng viên và sinh viên, bảng chống lóa và chống bụi. Tất cả các phòng học đều được trang bị projector (88 bộ) hoặc màn hình LCD (cho những phòng có sức chứa nhỏ), có hệ thống âm thanh ánh sáng, wifi đảm bảo phục vụ cho hoạt động đào tạo.

### 2.3.1. Phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

#### 2.3.1.1. Phòng máy tính

**Bảng 2.2: Số lượng phòng máy tính**

Số TT	Phòng máy tính	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng máy tính	24		Máy tính	856	Thực hành tin học

*Nguồn: Phòng Quản Lý Thiết Bị Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm*

### 2.3.1.2. Phòng học

**Bảng 2.3: Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy**

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	B201	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
2	B202	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
3	B203	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
4	B204	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
5	B206	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
6	B208	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
7	B302	01	130	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
8	B303	01	95	Tivi	01	Phòng học lý thuyết
9	B304	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
10	B305	01	95	Tivi	01	Phòng học lý thuyết
11	B401	01	130	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
12	B402	01	130	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
13	B403	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết
14	B404	01	95	Máy chiếu	01	Phòng học lý thuyết

*Nguồn: Phòng Quản Lý Thiết Bị Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm*

### 2.3.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

- Tổng diện tích thư viện: 485 m<sup>2</sup> trong đó diện tích phòng đọc: 262,5 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ngồi: 250
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 45
- Phần mềm quản lý thư viện: 02
- Thư viện điện tử: 01
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 10.000



**Bảng 2.4: Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo học tập**

<b>Số TT</b>	<b>Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)</b>	<b>Nước xuất bản/ Nhà xuất bản / Năm xuất bản</b>	<b>Số lượng bản sách</b>	<b>Tên học phần sử dụng sách, tạp chí</b>
	<b>Tài liệu chính</b>			
1	Modern Banking	2005	1	Ngân hàng hiện đại
2	Fundamentals of Corporate Finance	2001		Quản trị tài chính hiện đại
3	Quản trị tài chính	2017	1	Quản trị tài chính hiện đại
4	International Financial Managemant	2016	1	Quản trị tài chính hiện đại
5	Tài chính quốc tế hiện đại	2012		Tài chính quốc tế
6	Kinh tế lượng	2011		Kinh tế lượng ứng dụng
7	Nghiên cứu khoa học trong Kinh tế-Xã hội	2017		Kinh tế lượng ứng dụng
8	Quản trị ngân hàng	Việt Nam, NXB Lao động XH,2010	1	Quản trị ngân hàng hiện đại
9	Hệ thống thông tin quản lý	Việt Nam, NXB Đại học KT Quốc dân, 2012	1	Hệ thống thông tin quản lý
10	Tài chính công và phân tích chính sách thuế	Việt Nam, NXB Lao động XH,2009/2010	1	Phân tích chính sách thuế
11	Phân tích tài chính	Việt Nam, NXB Lao động XH,2007	1	Báo cáo tài chính-dự báo- phân tích và định giá
12	Tài chính quốc tế	Việt Nam, NXB Thống kê XH,2005	1	Tài chính quốc tế

<b>Số TT</b>	<b>Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)</b>	<b>Nước xuất bản/ Nhà xuất bản / Năm xuất bản</b>	<b>Số lượng bản sách</b>	<b>Tên học phần sử dụng sách, tạp chí</b>
13	Tài chính doanh nghiệp (Biên dịch)	Việt Nam, NXB Kinh tế TP.HCM,2017	1	Thị trường tài chính và các định chế tài chính, Quản trị tài chính hiện đại
14	Financial markets and institutions	Mỹ,2012	1	Thị trường tài chính&các định chế tài chính
15	Financial Institutions Management	Mỹ,2008	1	Thị trường tài chính&các định chế tài chính
16	The economics of Money, Banking and Financial Markets	Mỹ,2013	1	Tiền tệ ngân hàng
17	Thị trường tài chính (Biên dịch)	Mỹ,2014	1	Thị trường tài chính và các định chế tài chính
18	Financial Markets and Institutions	Mỹ,2012/2014	1	Thị trường tài chính và các định chế tài chính
19	Modern commercial banking	Mỹ,2008	1	Ngân hàng hiện đại
20	Bank Management & Financial Services	Mỹ,2013	1	Quản trị ngân hàng hiện đại
21	Business Analysis and Valuation: Using Financial Statements	Mỹ,2010	1	Báo cáo tài chính – Dự báo – Phân tích và định giá
22	Financial reporting, financial statement analysis, and valuation: a strategic perspective	Mỹ,2008	1	Báo cáo tài chính – Dự báo – Phân tích và định giá
23	The Economic of Taxation	Mỹ,2011	1	Phân tích chính sách thuế
24	Phân tích và quản lý danh mục đầu tư	Việt Nam, NXB Tài chính, 2015	1	Quản trị danh mục đầu tư

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/ Nhà xuất bản / Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
25	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Việt Nam, Đại học Tài chính Marketing, 2015	1	Quản trị tài chính hiện đại
26	Corporate Finance	Mỹ, 2014	1	Quản trị tài chính hiện đại
27	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Việt Nam, 2015	1	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính
28	Options, futures and other derivative	Mỹ, 2003	1	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính
29	Lập và Thẩm định dự án đầu tư	Việt Nam, NXB Kinh tế TP.HCM, 2015	1	Quản trị dự án đầu tư
30	Luật Kinh tế	Việt Nam, NXB Kinh tế TP.HCM, 214	1	Luật kinh tế
31	Quản trị dự án đầu tư	Việt Nam, NXB Lao động, 2010	1	Quản trị dự án đầu tư
32	Kiểm soát nội bộ	Việt Nam, NXB Lao động, 2016	1	Kiểm soát nội bộ
<b>Tài liệu tham khảo</b>				
1	Giáo trình Triết học Mác Lênin	Việt Nam 2008	1	Triết học
2	Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin	Việt Nam, 2005	1	Triết học
3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ	Việt Nam, 2017	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
4	Performing data analysis using IBM SPSS (R)	Mỹ, 2013	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/ Nhà xuất bản / Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
5	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	Việt Nam, 2012	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
6	Lý thuyết tài chính – Tiền tệ	Việt Nam, 2004	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
7	IBM SPSS by example : a practical guide to statistical data	Mỹ, 2016	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
8	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS - Tập 1&2	Việt Nam, 2008	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
9	Giáo trình Kinh tế lượng	Việt Nam, 2013	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
10	Kinh tế vĩ mô	Việt Nam, 2016	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
11	Kinh tế học vĩ mô	Việt Nam, 2009	1	
12	Kinh tế vi mô	Việt Nam, 2016	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
13	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Việt Nam, 2001	1	Triết học
14	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Việt Nam, 2005	1	Triết học
15	Giáo trình Tiền tệ - Ngân hàng	Việt Nam, 2012	1	Tài chính - Tiền tệ ngân hàng
16	Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại	Việt Nam, 2011	1	Quản trị Ngân hàng
17	Giáo trình Quản trị chiến lược	Việt Nam, 2014	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN

<b>Số TT</b>	<b>Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)</b>	<b>Nước xuất bản/ Nhà xuất bản / Năm xuất bản</b>	<b>Số lượng bản sách</b>	<b>Tên học phần sử dụng sách, tạp chí</b>
18	Exploring strategy	Mỹ, 2014	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
19	Strategic management and business policy : globalization, innovation, and sustainability	Mỹ, 2014	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
20	Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực	Việt Nam, 2015	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
21	Armstrong's handbook of strategic human resource management	Mỹ, 2011	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
22	Quản trị nguồn nhân lực	Việt Nam, 2015	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
23	Fundamentals of corporate finance	Việt Nam, 2007	1	Quản trị tài chính
24	Quản trị tài chính	Việt Nam, 2017	1	Quản trị tài chính
25	International Financial Management	Mỹ, 2015	1	Quản trị tài chính
26	Tài chính quốc tế	Việt Nam, 2005	1	Quản trị tài chính
27	Giáo trình Kinh doanh Quốc tế	Việt Nam, 2012	1	Tài chính quốc tế
28	International business	Mỹ, 2012	1	Tài chính quốc tế
29	Quản trị dự án đầu tư	Việt Nam, 2009	1	Quản trị dự án
30	Giáo trình Thuế 1	Việt Nam, 2009	1	Chính sách thuế

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/ Nhà xuất bản / Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
31	Thâu tóm và hợp nhất từ khóa cạnh quản trị công ty	Việt Nam, 2007	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
32	Principles of Risk Management and Insurance	Mỹ, 2014	1	Tiểu luận, chuyên đề, LVTN
33	Giáo trình pháp luật kinh tế	Việt Nam, 2009	1	Luật kinh tế
34	Luật kinh tế	Việt Nam, 2011	1	Luật kinh tế

*Nguồn: Thư viện Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm tổng hợp*

## 2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

### 2.4.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Nghiên cứu giải pháp xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ cho doanh nghiệp nhằm đối phó với rủi ro hoạt động khi Việt Nam tham gia Hiệp định TPP	Mã số: ĐTKHCN 193/15 Cấp Bộ Công Thương	22/11/2015	Xuất sắc
2	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng và xây dựng phương án quản lý công tác giảng dạy hiệu quả tại Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM	QĐ 370 ĐH Công nghiệp	20/6/2015	Tốt
3	Đánh giá và đề xuất giải pháp khắc phục nợ xấu tại ngân hàng thương mại quốc doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Số 980/QĐ- DCT Trường ĐH CNTP Tp. HCM	24/06/2013	Xuất sắc

<b>Số TT</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>Cấp quyết định, mã số</b>	<b>Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu</b>	<b>Kết quả nghiệm thu</b>
4	Đánh giá và đề xuất giải pháp phân phối cổ tức của các công ty niêm yết trên Hose	Số 42/QĐ-DCT ngày 27/06/2014	04/09/2015	Đạt
5	Sở hữu chéo - Nhân tố tác động lên mối quan hệ giữa NHTM và các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán VN	Số 29/QĐ-DCT ngày 14/04/2015	04/2016	Đạt
6	Đánh giá sức chịu đựng đối với rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Số 144/ QĐ-DCT ngày 26/01/2016	Số 522/ QĐ-DCT ngày 29/03/2017	Xuất sắc
7	Tự do hóa lãi suất: chính sách mới về lãi suất trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam thời hội nhập.	Số 144/QĐ-DCT ngày 26/01/2016	24/04/2017	Tốt
8	Giải pháp phát triển thị trường tài chính phái sinh tại VN hiện nay và tầm nhìn đến năm 2020	Số 30/QĐ-DCT ngày 24/02/2016	10/01/2017	Khá
9	Tác động của đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh đến giá trị và hiệu quả của doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM	Số 105/QĐ-DCT ngày 09/09/2016	22/12/2017	Đạt

**2.4.2. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây**

<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Năm và Nguồn công bố</b>
1	Đổi mới và tiếp cận phương pháp giảng dạy các môn kế toán theo IFRS dựa vào các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận (GAAP) hay	PGS.TS Trần Phước	Kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia tại TP.HCM do Bộ Tài chính tổ chức, ISBN 978-604-59-8336-3, NXB lao Động, trang

<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Năm và Nguồn công bố</b>
	khuôn mẫu kế toán		53-57; Năm 2017
2	Giảng dạy theo IFRS – Cơ hội hội nhập toàn cầu cho người làm kế toán	PGS.TS Trần Phước	Kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia tại Hà Nội, ISBN 978-604-946-277-1, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, trang 59-66; Năm 2017
3	Giải pháp thay đổi chương trình đào tạo theo khung cơ cấu mới của hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam	PGS.TS Trần Phước	Kỷ yếu hội thảo cấp thành phố (ESR 2017) tại TP.HCM, ISBN 978-604-922-479-9, NXB Kinh tế TP.HCM, trang 7-15; Năm 2017
4	Phát triển dịch vụ Kế toán – Kiểm toán trong xu thế VN hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)	PGS.TS Trần Phước	Kỷ yếu hội thảo cấp thành phố (ESR 2017) tại TP.HCM, ISBN 978-604-922-479-9, NXB Kinh tế TP.HCM, trang 398-407; Năm 2017
5	Các nhân tố tác động đến hệ thống kiểm soát nội bộ tại các DN khởi nghiệp”	PGS.TS Trần Phước	Kỷ yếu hội thảo quốc gia về Khởi nghiệp (ST2016) tại TP.HCM, ISBN 978-604-67-0811-7, NXB KH Kỹ thuật; Năm 2016
6	Nghiên cứu mô hình đánh giá chất lượng giảng dạy tại Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM	PGS.TS Trần Phước	Tạp chí ĐH Công nghiệp, ISSN: 1859-3712, Số 1 (18), 2015, trang 107-116; Năm 2015
7	Factors influencing the success of implementing budgets in Vietnamese SMes	PGS.TS Trần Phước	Kỷ yếu hội thảo quốc tế về Kế toán (ICOA 2015) tại Đà Nẵng, ISBN 978-604-84-0781-0, NXB Đà Nẵng; Năm 2015



<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Năm và Nguồn công bố</b>
8	Xây dựng hệ thống tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động cho các DN chế biến hải sản xuất khẩu VN khi tham gia TPP	PGS.TS Trần Phước	Tạp chí Đại học Công nghiệp, ISSN: 1859-3712, số 5 (17) trang 25-41; Năm 2014
9	Nghiên cứu vận dụng quy trình kiểm toán của Big Four để hỗ trợ các DN kiểm toán VN trong xu thế hội nhập với thông lệ quốc tế	PGS.TS Trần Phước	Tạp chí Đại học Công nghiệp ISSN: 1859-3712, số 4 (16) trang 25-41; Năm 2014
10	Impacts of government policies and regulations on the development of international retailing and services – case study of Vietnamese market	PGS.TS Trần Phước	Kỷ yếu hội thảo quốc tế tại Thái Lan “The 12th SARD Workshop in Thailand” <a href="http://www.ecia.eco.ku.ac.th/main/index.php/events">www.ecia.eco.ku.ac.th/main/index.php/events</a> ; Năm 2014
11	Integrating ABC with Standard cost – Strategic Management Tool	PGS.TS Trần Phước	Australian Journal of Basic and Applied Sciences, ISSN 1991-8178, No. 7(6), Page 556-562, (ISI); Năm 2013
12	Sách chuyên khảo Phương pháp Phân tích – Xây dựng – Tổ chức sử dụng Phần mềm kế toán	PGS.TS Trần Phước	NXB Lao động, năm 2013
13	Ảnh hưởng của chi tiêu ngân sách nhà nước đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Sóc Trăng	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2016, Tạp chí Công thương
14	Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước tỉnh Sóc Trăng	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2015, Tạp chí Kinh tế và Dự báo
15	Nâng cao hiệu quả chi đầu tư phát triển từ NSNN tại tỉnh Sóc Trăng	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2015, Tạp chí Kinh tế và Dự báo
16	Chính sách tài khóa và tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2015, Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật
17	Hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2015, Tạp chí khoa học Công

<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Năm và Nguồn công bố</b>
	nhà nước nhằm nâng cao tính hiệu quả, tính công bằng và tính linh hoạt đối với các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay	Xuân Hiệp	nghệ và Thực phẩm
18	Tăng cường năng lực tài chính và hiện đại hóa công nghệ tại các ngân hàng TMCP trên địa bàn TP. HCM đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong điều kiện hội nhập	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2015, Tạp chí khoa học Công nghệ và Thực phẩm
19	Xây dựng công tác quản trị tài chính tại các trường đại học công lập Việt Nam theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2015, Tạp chí khoa học Công nghệ và Thực phẩm
20	Hiệu quả hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại tỉnh Bình Dương	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2015, Tạp chí Kinh tế và Dự báo
21	Định hướng đào tạo ngành kế toán giai đoạn thí điểm tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xu hướng tự chủ đại học tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2015, Tạp chí khoa học Công nghệ và Thực phẩm
22	Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam giai đoạn 2001 - 2015	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2014, Tạp chí nghiên cứu Tài chính Marketing
23	Mối quan hệ giữa nợ vay ngân hàng và giá thuê văn phòng	TS Huỳnh Xuân Hiệp	2016, Tạp chí Tài chính
24	Tỷ giá và những tác động đa chiều đến nền kinh tế	TS Nguyễn Thị Trúc Phương	Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 10, tháng 05/2014
25	Hình thành chuỗi sản xuất lúa gạo khép kín	TS Nguyễn	Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 13, tháng 07/2014

<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Năm và Nguồn công bố</b>
		Thị Trúc Phương	
26	Bàn về chính sách thu mua, tạm trữ thóc gạo xuất khẩu	TS Nguyễn Thị Trúc Phương	Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 16, tháng 08/2014
27	Xuất khẩu gạo theo xu thế chung	TS Nguyễn Thị Trúc Phương	Tạp chí Thuế Nhà nước, Số 38 (552), trang 27, tháng 9/2015
28	Hoàn thiện một số giải pháp tài chính nhằm thúc đẩy xuất khẩu gạo vùng ĐBSCL	TS Nguyễn Thị Trúc Phương	Tạp chí NH, Số 17/tháng 9-2015, trang 29-35
29	Một số quan điểm về vốn tín dụng ngân hàng đầu tư cho ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam trước sức ép hội nhập kinh tế quốc tế	TS Nguyễn Thị Trúc Phương	Bài tham luận hội thảo khoa học, đồng tác giả với TS. Nguyễn Thị Kim Nhung. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: "Vai trò của NH và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển NO – NT", Nhà xuất bản Lao động, tháng 12/2015
30	Cạnh tranh và hợp tác bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia về tiền tệ và thị trường tài chính ở Việt Nam trước tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng	TS Nguyễn Thị Trúc Phương	Bài tham luận hội thảo khoa học, đồng tác giả với PGS.,TS. Nguyễn Đắc Hưng, Kỷ yếu hội thảo: "Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc về an ninh, quốc phòng và phòng tuyến hợp tác cạnh tranh kinh tế quốc tế - từ thực tiễn Quảng Ninh", tháng 12/2015
31	Hoàn thiện giải pháp tài chính từ	TS	Tạp chí Công thương, tháng

<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Năm và Nguồn công bố</b>
	nguồn NSNN thúc đẩy xuất khẩu gạo vùng ĐBSCL	Nguyễn Thị Trúc Phương	7/2016
32	Một số giải pháp tài chính nhằm thúc đẩy xuất khẩu gạo vùng ĐBSCL	TS Nguyễn Thị Trúc Phương	Tạp chí Tài chính, tháng 7/2016
33	Điều hành chính sách tiền tệ hướng tới an toàn tín dụng.	TS Nguyễn Văn Tuấn	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 2013
34	Đề ngân hàng hợp tác xã hoạt động hiệu quả.	TS Nguyễn Văn Tuấn	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 2013
35	Giải pháp quản lý chất lượng tín dụng tại Agribank.	TS Nguyễn Văn Tuấn	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 2014
36	Hoàn thiện chính sách cho vay trong điều kiện nền kinh tế hội nhập nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng Việt Nam cho vay hiệu quả.	TS Nguyễn Văn Tuấn	Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trường đại học Ngân hàng TP.HCM;2014
37	Các nhân tố tác động đến chất lượng tín dụng tại Agribank.	TS Nguyễn Văn Tuấn	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 2015
38	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.	TS Nguyễn Văn Tuấn	Tạp chí Tài chính,2015
39	Về hiệu quả của việc áp dụng chính sách thuế tài sản ở Việt Nam	TS Bùi Hồng Điệp	Tạp chí Kinh tế và Dự báo-Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014)
40	Chính sách thuế đối với tài sản ở Việt Nam	TS Bùi Hồng Điệp	Tạp chí Kinh tế và Dự báo-Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014)

<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Năm và Nguồn công bố</b>
41	Kinh nghiệm đánh thuế tài sản ở một số quốc gia trên thế giới	TS Bùi Hồng Điệp	Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế-Xã hội – Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế-Xã hội Quốc gia (2014)
42	Tình hình thuế và ngân sách của Việt Nam giai đoạn 2003-2012	TS Bùi Hồng Điệp	Tạp chí Kinh tế và Dự báo-Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014)
43	Thực trạng và giải pháp đầu tư vốn tín dụng ngân hàng cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao	TS Bùi Hồng Điệp	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân (2017)
44	Thực trạng và giải pháp đầu tư vốn tín dụng ngân hàng cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao	TS Bùi Hồng Điệp	Tạp chí ngân hàng,2017
45	Triển khai đồng bộ giải pháp xử lý nợ xấu gắn với tái cơ cấu các tổ chức tín dụng trong giai đoạn đến 2020	TS Bùi Hồng Điệp	Tạp chí ngân hàng,2017
46	Thanh toán điện tử phát triển mạnh ở Trung Quốc - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	TS Bùi Hồng Điệp	Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ (2018)
47	Trung Quốc phát triển thanh toán điện tử-Kinh nghiệm và khuyến nghị cho Việt Nam	TS Bùi Hồng Điệp	Tạp chí Hỗ trợ phát triển (2018)
48	Nghiên cứu năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch cấp tỉnh tại thị trường Việt Nam	TS Nguyễn Nam Thắng	Kỷ yếu hội thảo quốc tế cùng doanh nghiệp vượt qua thử thách - Nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Viện kinh tế và quản lý Trường Đại học Bách khoa Hà Nội với Trường Đại học Leizig của Đức, 43 – 57, Năm 2013
49	Mô hình nghiên cứu các yếu tố tác động đến phát triển du lịch	TS Nguyễn	Kỷ yếu hội thảo quốc tế cùng doanh nghiệp vượt qua thử

<b>Số TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Năm và Nguồn công bố</b>
		Nam Thắng	thách – Quản lý đổi mới và sáng tạo trong doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Viện kinh tế và quản lý Trường Đại học Bách khoa Hà Nội với Trường Đại học Leizig của Đức, 374 – 384; Năm 2014
50	Mức độ hài lòng của cộng đồng dân cư với các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	TS Nguyễn Nam Thắng	Tạp chí kinh tế và dự báo một số nghiên cứu về phát triển ngành và đầu tư – Cơ quan ngôn luận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 1, 38 – 41; Năm 2015
51	Nghiên cứu mô hình năng lực cạnh tranh động của các doanh nghiệp Việt Nam	TS Nguyễn Nam Thắng	Tạp chí kinh tế và dự báo một số nghiên cứu về phát triển ngành và đầu tư – Cơ quan ngôn luận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 10, 49 – 51, Năm 2015
52	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Ngân hàng thương mại tại VN- Từ góc nhìn thanh khoản	TS Phan Ngọc Trung	Tạp chí Nghiên cứu phát triển - ISN 0866-7120
53	Các nhân tố ảnh hưởng đến giá chứng khoán trên Thị trường CKVN (Hose)	TS Phan Ngọc Trung	10/2016 Tạp chí KHCN và Thực Phẩm
54	Giải pháp hỗ trợ tài chính cho DNNVV, VN	TS Phan Ngọc Trung	Tạp chí Sinh hoạt lý luận số 5/2015 trang 27-31
55	Giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào NN Việt Nam	TS Phan Ngọc Trung	Tạp chí Lý luận Chính Trị số 5/2016 trang 65-70
56	Giải pháp cơ bản góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam	TS Phan Ngọc	Tạp chí Nghiên cứu Phát triển số 14(4/2015)

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và Nguồn công bố
	trong quá trình hội nhập quốc tế,	Trung	
57	Cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP).	TS Phan Ngọc Trung	Tạp chí Nghiên cứu Phát triển số 11(1/2015)

### 2.4.3. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án và số lượng học viên cộng sự có thể tiếp nhận

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, học hàm người người có thể hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học có thể tiếp nhận
1	Quản trị rủi ro tài chính, Kiểm soát nội bộ, Dự toán ngân sách	PGS.TS Trần Phước	05
2	Quản trị tài chính, Quản trị và hoạch định chi phí	TS Huỳnh Xuân Hiệp	03
3	Tài chính DN công nghiệp, nông nghiệp	TS Nguyễn Thị Trúc Phương	03
4	Nghiệp vụ ngân hàng TM, Tín dụng ngân hàng	TS Nguyễn Văn Tuấn	03
5	Thuế, Phân tích chính sách thuế	TS Bùi Hồng Điệp	03
6	Mô hình tài chính	TS Nguyễn Nam Thắng	03
7	Tài chính nhà nước, Tài chính công ty đa quốc gia	TS Phan Ngọc Trung	03

### 2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo (trao đổi giảng viên, sinh viên, học viên; tham gia giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo...), tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học.

Hàng năm, Nhà trường luôn tham gia đấu thầu và đăng ký đề tài, dự án khoa học lớn theo hướng chuyên ngành và liên ngành, trong và ngoài nước. Tập hợp các nhà khoa học trong và ngoài trường, kể cả nước ngoài tham gia. Các hướng nghiên cứu được ưu tiên theo từng lĩnh vực chuyên ngành cụ thể như:

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội cấp thiết như: đổi mới doanh nghiệp, cổ phần hóa doanh nghiệp, nghiên cứu qui hoạch phát triển bền vững ngành Tài chính Kế toán và hội nhập kinh tế quốc tế.
- Nghiên cứu ứng dụng các lý thuyết về kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, thị trường chứng khoán kế toán kiểm toán,
- Nghiên cứu các mô hình Quản trị tài chính; Phát triển các loại hình doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, tình hình tài chính của khu vực và thế giới trong thời gian tới, ...



## **PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

### **3.1. Chương trình đào tạo**

#### **3.1.1. Ngành đào tạo**

- Tên ngành đào tạo: **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**
- Mã số : 60 34 02 01
- Chương trình đào tạo: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
- Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

#### **3.1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo**

##### **3.1.2.1. Căn cứ pháp lý**

Đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng được lập dựa trên các căn cứ sau đây:

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009.

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học.

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ, trình độ tiến sĩ.

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/05/2014 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ.

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/05/2014 về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo đại học, thạc sỹ, tiến sĩ.

Căn cứ Chiến lược phát triển của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh: Phát triển thành trường đại học đa ngành trọng điểm quốc gia có uy tín quốc tế và trong nước.

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-DCT ngày 09/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh ban hành Quy định tạm thời về việc mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ.

### **3.1.2.2. Căn cứ nhu cầu xã hội đối với đào tạo**

Theo quy hoạch và chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011- 2020 của Chính phủ số nhân lực qua đào tạo ở bậc sau đại học cần đạt 200 nghìn người vào năm 2015 và 300 nghìn người vào năm 2020 (Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

Theo Viện Nghiên cứu Phát triển TP. HCM, số doanh nghiệp hàng năm trên địa bàn tại thành phố tăng trung bình trên 20% từ năm 2005 - 2010, trong đó doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng trên 95%. Ngoài ra, Bình Dương, Đồng Nai, Long An và một số tỉnh gần TP. HCM cũng có tốc độ phát triển công nghiệp khá nhanh. Trong khi đó, việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao qua các chương trình thạc sỹ Tài chính Kế toán ở các trường đại học trong khu vực còn tương đối ít. Trong số 48 trường đại học trên địa bàn TP. HCM chỉ có 14 trường có đào tạo chương trình Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Ngoài ra, một số trường có chương trình đào tạo Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng hợp tác quốc tế dưới các dạng liên kết do các trường đại học nước ngoài cấp bằng. Hàng năm số người tốt nghiệp thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh thấp hơn nhiều so với nhu cầu của các doanh nghiệp.

Tháng 03/2017, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành khảo sát nhu cầu học Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận với nhiều đối tượng khác nhau từ sinh viên đã tốt nghiệp bậc đại học thuộc khối ngành Kinh tế và ngoài ngành Kinh tế đến các cán bộ, công chức, những người đã và đang làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Kết quả cho thấy nhu cầu học thạc sỹ khá cao. Nhu cầu học thạc sỹ ở TP. HCM chủ yếu do yêu cầu phục vụ cho công việc. Trong 269 mẫu khảo sát có khoảng 74% người được khảo sát đã có dự định tiếp tục học chương trình thạc sỹ ngành tài chính ngân hàng.

### **3.1.2.3. Căn cứ vào kinh nghiệm đào tạo của trường**

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đã có kinh nghiệm của hơn 30 năm đào tạo, với các thế hệ sinh viên có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Trường đã và đang có nhiều dự án quốc tế liên quan đến đào tạo sau đại học. Do vậy, việc đào tạo thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng là lợi thế lớn trong khai thác ưu thế của một trường đại học đào tạo ngành Tài chính Kế toán trọng điểm quốc gia và quan trọng là khai thác thế mạnh của các chương trình đào tạo liên kết với các trường hàng đầu trên thế giới.

Với tầm nhìn trở thành trường đại học Việt Nam đạt các tiêu chuẩn Quốc gia và khu vực, chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đến năm 2020 bao gồm lộ trình cho chương trình đào tạo thạc sỹ và hướng tới xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ. Trên cơ sở khảo sát và đánh giá nhu cầu đào tạo cán bộ quản lý trình độ cao cũng như năng lực các chương trình đào tạo tương đương trong khu vực. Chương trình Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng được thiết kế, hoạch định và tổ chức tại khoa Tài chính Kế toán nhằm đến thị trường các quản trị gia tiềm năng trẻ, năng động và có hoài bão đóng góp cho xã hội và đất nước.

Trong tình hình hội nhập toàn cầu của nền kinh tế thế giới, việc xây dựng chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Tài chính - Ngân hàng là một bước quan trọng để Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đóng góp cho xã hội lực lượng quản trị gia có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu nền kinh tế Việt Nam hội nhập hiện nay.

### **3.1.2.4. Căn cứ vào năng lực cán bộ giảng dạy và quản lý**

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm và Khoa Tài chính Kế toán có đội ngũ giảng viên chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. Cụ thể có 01 PGS.TS, 07 tiến sĩ, 04 Nghiên cứu sinh, 30 Thạc sỹ. Ngoài ra trường còn hợp đồng thỉnh giảng với nhiều nhà khoa học có uy tín ở các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước tham gia giảng dạy tại Khoa.

Khoa Tài chính Kế toán là một tập thể trẻ và được đào tạo, học tập tại các Trường có uy tín tại Việt Nam. Lực lượng cán bộ, giảng viên có chất lượng đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

### 3.1.2.5. Tham khảo các chương trình đào tạo của các trường Đại học trong và ngoài nước

- Trong nước: các trường có danh tiếng hiện nay về đào tạo thạc sỹ
  - + Đại học Kinh tế TP. HCM
  - + Đại học Công nghiệp TP. HCM
  - + Đại học Sài Gòn
  - + Đại học Tài chính Marketing
- Ngoài nước:
  - + Trường Đại học Western Sydney (Western Sydney University)

#### ❖ Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

- Đào tạo Thạc sỹ ngành: Tài chính và ngân hàng; Mã số đào tạo: 60.34.02.01; Thời gian đào tạo: 2 năm
- Chương trình đào tạo ngành tài chính

Khối kiến thức	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	8
Phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	7
Phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn	4
Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	14
Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	14
Luận văn thạc sỹ	14
<b>Tổng toàn khóa</b>	<b>61</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

- Chương trình đào tạo ngành ngân hàng

Khối kiến thức	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	8
Phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	7
Phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn	4
Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	15
Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	15
Luận văn thạc sỹ	14
<b>Tổng toàn khóa</b>	<b>63</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

❖ **Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh**

- Đào tạo Thạc sỹ ngành: Tài chính - Ngân hàng
- Chương trình đào tạo:

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
Phần kiến thức chung	<b>09</b>
Phần kiến thức cơ sở & chuyên ngành	<b>21</b>
Phần kiến thức cơ sở & chuyên ngành tự chọn	<b>18</b>
Luận văn thạc sỹ	<b>12</b>
<b>Tổng toàn khóa</b>	<b>60</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

❖ **Trường Đại học Sài Gòn**

- Đào tạo Thạc sỹ ngành: Tài chính - Ngân hàng, chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng ứng dụng.
- Mã số đào tạo:
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Chương trình đào tạo:

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số tín chỉ</b>	<b>Số tín chỉ bắt buộc</b>	<b>Số tín chỉ tự chọn</b>
Kiến thức chung	7	7	0
Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	38	20	18
Luận văn	15	15	0
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu</b>	<b>60</b>	<b>42</b>	<b>18</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

❖ **Trường Đại học Tài chính Marketing**

- Đào tạo Thạc sỹ ngành: Tài chính - Ngân hàng theo 3 hướng chuyên sâu: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Tài chính công.
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Chương trình đào tạo:

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
Phần kiến thức chung	<b>12</b>
Phần kiến thức ngành	<b>11</b>
Phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	<b>27</b>
Phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn	<b>18</b>
Luận văn thạc sỹ	<b>12</b>
<b>Tổng toàn khóa</b>	<b>70</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

### **(1) Trường Đại học Western Sydney (Western Sydney University)**

#### **+ Cấu trúc chương trình**

Chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Tài chính bao gồm 60 tín chỉ. Trong đó có 6 tín chỉ cho phần kiến thức chung, 18 tín chỉ cho phần kiến thức cơ sở ngành, và 38 tín chỉ cho phần chuyên ngành.

#### **+ Kiến thức chung**

- Toán Kinh tế (Economic Mathematic)

#### **+ Kiến thức cơ sở ngành**

- Môi trường kinh doanh hiện đại (The Contemporary Business Environment)
- Báo cáo tài chính ra quyết định (Financial Reports for Decision Making)
- Thống kê kinh doanh ứng dụng (Applied Business Statistics)
- Kinh tế học (Economics)

#### **+ Kiến thức chuyên ngành**

- Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)
- Thị trường tài chính và các định chế tài chính (Financial Institutions and Markets-MAF)
- Tài chính quốc tế (International Finance)
- Các công cụ tài chính phái sinh (Derivatives)
- Mô hình tài chính (Financial Modelling)
- Danh mục đầu tư chứng khoán và phân tích chứng khoán (Security Analysis and Portfolio Theory)
- Quản lý định chế tài chính (Financial Institution Management)

- Các quyết định tín dụng và cho vay (Credit and Lending Decisions)
- Quản lý Quỹ và Lựa chọn Danh mục đầu tư (Funds Management and Portfolio Selection)
- + **Chuyên đề tốt nghiệp**
- Dự án kinh doanh (Business Project)

### **3.1.3. Mục tiêu đào tạo**

#### **3.1.3.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo hướng nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo và định hướng dịch vụ, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng.

#### **3.1.3.2. Mục tiêu cụ thể**

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng để thực hiện các công việc quản trị tài chính, phán đoán và ra quyết định; quản trị danh mục đầu tư tài chính, thiết lập và thẩm định dự án đầu tư; biết phương pháp kiểm soát nội bộ, phân tích và định giá,...trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng.

Có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có nhận thức,...để nghiên cứu và định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, nghiên cứu, quản lý,... để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Có khả năng đưa ra những sáng kiến quan trọng; Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Mặt khác, có khả năng quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn về Tài chính – Ngân hàng.

#### **3.1.4. Chuẩn đầu ra**

- (1) Thông hiểu và vận dụng kiến thức triết học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế để xử lý công việc chuyên môn.
- (2) Thông hiểu và vận dụng được các vấn đề pháp luật về kinh tế trong công tác quản trị Tài chính – Ngân hàng.

- (3) Hiểu và vận dụng được những kiến thức về Quản trị tài chính, Quản trị ngân hàng, Công cụ tài chính, Quản trị rủi ro, Quản trị danh mục đầu tư, Quản trị dự án, Quản trị chi phí, Hệ thống thông tin quản lý, và Hệ thống kiểm soát nội bộ.
- (4) Tổng hợp và đánh giá được những vấn đề về Thị trường tài chính, Định chế tài chính, Mô hình tài chính, Tài chính quốc tế, Phòng ngừa rủi ro...
- (5) Phân tích được chính sách thuế và am hiểu các chính sách thuế để vận dụng vào doanh nghiệp, ngân hàng.
- (6) Phân tích, đánh giá, và dự báo được tình hình tài chính của doanh nghiệp, hay ngân hàng.

### 3.1.5. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng được thiết kế theo xu hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp với điều kiện trong nước và tương đương các chương trình đào tạo tiên tiến của một số cơ sở đào tạo trong nước và trên thế giới.

Khối lượng kiến thức được trình bày trong khung chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng được thiết kế với tổng số 45 tín chỉ.

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
Phần kiến thức chung	04
Phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	04
Phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn	04
Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	08
Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	10
Luận văn thạc sỹ	15
<b>Tổng toàn khóa</b>	<b>45</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

*Yêu cầu đối với luận văn:*

- Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;



- Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;
- Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;
- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

### **3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo**

#### **3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh**

##### **❖ Phương án tuyển sinh**

Ngành đào tạo kèm chỉ tiêu đào tạo dự kiến 5 năm đầu.

Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sỹ gồm: thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sỹ tại Việt Nam.

Số lần tuyển sinh đào tạo được tổ chức tối đa 02 lần mỗi năm. Đợt 1 vào khoảng tháng 4, đợt 2 vào khoảng tháng 9 của năm học.

Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh là trụ sở của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.

Các quy định của cơ sở đào tạo về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Trường.

Các môn thi đầu vào như sau:

- Tiếng Anh
- Kinh tế học
- Tài chính tiền tệ

##### **❖ Điều kiện miễn thi ngoại ngữ**

Học viên được miễn thi ngoại ngữ theo bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong đào tạo trình độ thạc sỹ theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT). Cụ thể:

#### Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

#### Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

#### ❖ Dự kiến quy mô tuyển sinh

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Số học viên	35-50	50-60	60-70	70-80	80-90

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*


#### ❖ Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đối với người dự tuyển

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng phải đáp ứng được điều kiện sau:

##### Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.
- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành Tài chính - Ngân hàng và đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Việt Nam.

 Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- Người dự thi tuyển có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành, ngành phù hợp với ngành Tài chính - Ngân hàng được dự thi tuyển ngay sau khi tốt nghiệp đại học.
- Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi tuyển, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi tuyển, mới được đăng ký dự thi tuyển.

❖ **Danh mục các ngành đúng, ngành gần và ngành khác với ngành đăng ký đào tạo**

 *Ngành đúng*

- Tài chính - Ngân hàng; mã ngành 8340201
- Các ngành khác mà chương trình đào tạo của ngành này khác với hai ngành đúng kể trên dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành thì được xếp vào cùng ngành đúng.

 *Ngành gần*

- Kế toán - Kiểm toán
- Quản trị kinh doanh
- Các ngành khác mà chương trình đào tạo của ngành này khác với hai ngành đúng kể trên từ 10% - 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành thì được xếp vào cùng ngành gần.

 *Ngành khác*

Người dự thi đã tốt nghiệp đại học các ngành khác mà chương trình đào tạo của ngành này không thuộc ngành đúng và ngành gần kể trên.

Danh mục các môn học bổ sung kiến thức.

**Bảng 3.1: Các môn học bổ sung, môn học được miễn đối với người có bằng đại học ngành gần**

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính quốc tế, Đầu tư tài chính	2
2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Ngân hàng thương mại, Ngân hàng TW	2
3	Quản trị học	Quản trị học	2
4	Phân tích báo cáo tài chính	Phân tích báo cáo tài chính	2
<b>Tổng</b>			<b>8</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

**Bảng 3.2: Các môn học bổ sung, môn học được miễn đối với người có bằng đại học ngành khác**

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô	2
2	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô; Kinh tế học quản lý	2
3	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	Tài chính - tiền tệ ; Lý thuyết TC tiền tệ	2
4	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	2
5	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính quốc tế, Đầu tư tài chính	2
6	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Ngân hàng thương mại, Ngân hàng TW	2
7	Quản trị marketing	Quản trị marketing	2
8	Quản trị học	Quản trị học	2
<b>Tổng</b>			<b>16</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán tổng hợp*

### 3.2.2. Kế hoạch đào tạo

- **Thời gian đào tạo:** Tổng thời gian đào tạo 24 tháng, thời gian tối đa là 48 tháng.
- **Khung kế hoạch đào tạo**

**Bảng 3.3: Liệt kê danh mục các học phần trong chương trình đào tạo**

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
<b>Phần kiến thức chung</b>			<b>04</b>	<b>04</b>	<b>00</b>
		Triết học	4	4	0
<b>Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>			<b>26</b>	<b>26</b>	<b>00</b>
<b>Học phần cơ sở bắt buộc</b>			<b>04</b>	<b>04</b>	<b>0</b>
		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	2	0
		Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	2	0
<b>Học phần cơ sở tự chọn</b> ( <i>Học viên chọn 2 môn</i> )			<b>04</b>	<b>04</b>	<b>00</b>
		Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2	2	0
		Hệ thống thông tin quản lý	2	2	0
		Luật kinh tế	2	2	0
		Tiền tệ Ngân hàng	2	2	0
<b>Học phần chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>08</b>	<b>08</b>	<b>00</b>
		Quản trị tài chính hiện đại	2	2	0
		Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2	2	0
		Phân tích chính sách thuế	2	2	0
		Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2	2	0
<b>Học phần chuyên ngành tự chọn</b> ( <i>Học viên chọn 5 môn</i> )			<b>10</b>	<b>10</b>	<b>00</b>
		Mô hình tài chính	2	2	0
		Tài chính quốc tế	2	2	0
		Ngân hàng hiện đại	2	2	0
		Quản trị ngân hàng hiện đại	2	2	0

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
		Quản trị danh mục đầu tư	2	2	0
		Quản trị dự án	2	2	0
		Quản trị chi phí	2	2	0
		Kiểm soát nội bộ	2	2	0
		<b>Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>15</b>		<b>15</b>
		<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

**Bảng 3.4: Kế hoạch đào tạo theo học kỳ**

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
<b>HỌC KỲ I</b>					
<b>Kiến thức chung</b>			<b>04</b>	<b>04</b>	<b>00</b>
		Triết học	4	4	0
<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>			<b>06</b>	<b>06</b>	<b>00</b>
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>04</b>	<b>04</b>	<b>00</b>
		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	2	0
		Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	2	0
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 1 môn)</b>			<b>02</b>	<b>02</b>	<b>00</b>
		Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2	2	0
		Tiền tệ Ngân hàng	2	2	0
<b>HỌC KỲ II</b>					
<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	<b>00</b>

<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>04</b>	<b>04</b>	<b>00</b>
	Quản trị tài chính hiện đại	2	2	0
	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2	2	0
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 4 môn)</b>		<b>08</b>	<b>08</b>	<b>00</b>
	Luật kinh tế	2	2	0
	Mô hình tài chính	2	2	0
	Tài chính quốc tế	2	2	0
	Ngân hàng hiện đại	2	2	0
	Quản trị chi phí	2	2	0
	Kiểm soát nội bộ	2	2	0
<b>HỌC KỲ III</b>				
<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>08</b>	<b>08</b>	<b>00</b>
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>04</b>	<b>04</b>	<b>00</b>
	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2	2	0
	Phân tích chính sách thuế	2	2	0
<b>Học phần tự chọn (học viên chọn 2 môn)</b>		<b>04</b>	<b>04</b>	<b>00</b>
	Hệ thống thông tin quản lý	2	2	0
	Quản trị ngân hàng hiện đại	2	2	0
	Quản trị danh mục đầu tư	2	2	0
	Quản trị dự án	2	2	0
<b>HỌC KỲ IV</b>				
	<b>Luận văn tốt nghiệp</b>	15	0	15
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

*Nguồn: Khoa Tài chính Kế toán*

**- Phân công giảng viên giảng dạy theo học phần**

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Học hàm, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành/ Chuyên ngành</b>	<b>Tham gia giảng dạy các học phần</b>
1	Trần Phước, 1966 Trưởng khoa	PGS 2013	Tiến sĩ, Việt Nam 2007	Kế toán	- Hệ thống thông tin quản lý - Kiểm soát nội bộ
2	Huỳnh Xuân Hiệp, 1981 Phó Trưởng khoa		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Tài chính ngân hàng	- Tiền tệ ngân hàng - Ngân hàng hiện đại - Quản trị ngân hàng hiện đại
3	Bùi Hồng Điệp, 1972 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2016	Kinh tế	- Phân tích chính sách thuế - Quản trị chi phí - Quản trị dự án
4	Nguyễn Văn Tuấn, Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Tài chính ngân hàng	- Dự báo trong kinh doanh và kinh tế - Quản trị tài chính hiện đại - Mô hình tài chính
5	Nguyễn Thị Trúc Phương, 1974 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Tài chính ngân hàng	- Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá - Phân tích chính sách thuế - Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro



Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần
6	Nguyễn Nam Thắng, 1970 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2016	Kinh tế	- Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro - Ngân hàng hiện đại - Quản trị chi phí
7	Phan Ngọc Trung, 1957 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2002	Kinh tế	- Thị trường tài chính & các định chế tài chính - Dự báo trong kinh doanh và kinh tế - Tài chính quốc tế
8	Nguyễn Xuân Hoàn, 1972 Phó Hiệu Trưởng	PGS 2014	Tiến sĩ, Việt Nam 2010	Sinh học môi trường	- Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
9	Nguyễn Duy Thục, 1959, Giảng viên	PGS 2015	Tiến sĩ Việt Nam 2008	Điều khiển học kinh tế	- Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Hệ thống thông tin quản lý
10	Phan Thị Hiên, 1979 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2015	Triết học	- Triết học - Luật Kinh tế
11	Đỗ Hữu Hải, 1975, Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2015	Quản trị kinh doanh	- Quản trị danh mục đầu tư - Quản trị dự án - Kiểm soát nội bộ
12	Trần Thị Ngọc Lan, 1978, Giảng Viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Kinh tế phát triển	- Quản trị danh mục đầu tư - Quản trị dự án

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần
13	Nguyễn Xuân Quyết, 1974, Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Kinh tế phát triển	- Dự báo trong kinh doanh và kinh tế - Tài chính quốc tế - Kiểm soát nội bộ
14	Đặng Hữu Giang, 1961, Giảng viên chính		Tiến sĩ, Việt Nam 2001	Tâm lý- Giáo dục	- Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá - Mô hình tài chính - Quản trị danh mục đầu tư

### 3.2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

❖ **Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để đáp ứng yêu cầu khi tăng quy mô và đảm bảo điều kiện mở ngành theo quy định (kể cả đối với những ngành mới và chưa có trong Danh mục đào tạo), như sau:**

- Qui hoạch phát triển đội ngũ cán bộ viên chức đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công cuộc đổi mới của ngành Giáo dục và Đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhân lực Tài chính Kế toán cho nền kinh tế hội nhập.
- Phân đầu 100% cán bộ giảng dạy đạt trình độ trên đại học (thạc sỹ, tiến sĩ), trình độ ngoại ngữ và tin học có thể làm việc trực tiếp với các đại học của khu vực và thế giới.
- Huy động và khai thác mọi nguồn lực để đội ngũ cán bộ có điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học.
- Mở lớp đào tạo bồi dưỡng tại chỗ (Thạc sỹ, Tiến sĩ).
- Ký kết hợp đồng hợp tác với các nhà khoa học, nhà Tài chính Kế toán có uy tín trong nước và quốc tế.

- Thường xuyên gửi giảng viên ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ;
- Tích cực xúc tiến và đa dạng hóa hợp tác quốc tế nhằm phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên. Thực hiện việc đưa cán bộ trẻ đi đào tạo trình độ sau đại học ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, bằng nguồn học bổng do các tổ chức nước ngoài tài trợ.

Ngoài ra, để chuyên hóa các giải pháp cụ thể đã nêu trên thành hiện thực, nhà trường cũng đã ban hành một số chính sách đãi ngộ cho các giảng viên tiếp tục nâng cao trình độ sau đại học. Đối với Giảng viên đã có bề dày trong hoạt động nghiên cứu khoa học và giảng dạy, nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và chi thưởng khi các cán bộ này được Nhà nước xét phong chức danh Giáo sư, Phó giáo sư. Nhằm thu hút lực lượng trí thức trẻ được đào tạo trình độ sau đại học về công tác tại trường, nhà trường cũng có những chính sách hỗ trợ tối đa theo khả năng của nhà trường và đúng pháp luật để các giảng viên an tâm công tác.

**❖ Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo theo yêu cầu của kế hoạch đào tạo và tương xứng với mức thu học phí.**

- Trường đã và đang đầu tư 800 phòng học lý thuyết và giảng đường rộng rãi thoáng mát, 120 xưởng thực hành với trang thiết bị hiện đại, trên 400 phòng thí nghiệm các loại và 940 môn học bao gồm các bậc học được thiết kế và biên soạn chương trình, giáo trình theo hướng liên thông, các khu nội trú có sức chứa gần 20.000 người được thiết kế hiện đại.
- Thư viện hiện có gần 300.000 bản sách các loại, trong đó có các đầu sách liên quan đến Quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế,... thuận tiện cho sinh viên, học viên có thể tiếp cận tài liệu và nghiên cứu.
- Nhà trường đã tin học hóa toàn bộ và sâu rộng mọi hoạt động trong trường, để sinh viên, học viên có thể truy cập internet, sử dụng mạng để tìm kiếm các thông tin thư viện điện tử phục vụ học tập. Mọi liên hệ giao tiếp với giảng viên và tìm kiếm những thông tin về khoa, về trường v.v..., sinh viên, học viên cũng có thể tra cứu nhanh chóng trên website của Trường.

Với cơ chế tự chủ, Nhà trường luôn quan tâm đến việc đầu tư phòng học, giảng đường, thư viện điện tử, hệ thống xưởng thực tập, phòng thí nghiệm và nhà ăn, kí túc

xá sinh viên, nhà truyền thống, phòng tập thể thao đa năng,... ngày càng được hoàn thiện theo tiêu chuẩn quốc tế. Các phương tiện tin học trong Nhà trường được nối mạng và kết nối internet sẽ ngày càng được sử dụng rộng rãi.

- ❖ Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên, học viên tốt nghiệp.
  - Nhà trường đã và đang mở trung tâm khởi nghiệp sáng tạo để học viên, sinh viên có cơ hội trao đổi, hợp tác, thực tập thực tế tại các doanh nghiệp.
  - Từng bước xúc tiến trao đổi và tọa đàm giữa sinh viên, học viên với các nhà quản trị, lãnh đạo doanh nghiệp,... thông qua ngày hội việc làm, chương trình liên kết giữa Nhà trường với các hiệp hội doanh nghiệp trong và ngoài nước.
  - Có chế độ thu hút học viên, sinh viên có thành tích và kết quả học tập xuất sắc cộng tác và làm việc tại trường.

❖ **Mức học phí/người học/năm học, khoá học**

- Mức học phí bình quân theo quyết định 901 của Thủ tướng đối với hệ đại học tự chủ.
- Cách tính học phí thực hiện theo hệ thống tín chỉ (tương tự như các chương trình đào tạo khác của Trường). Do vậy, học viên, sinh viên có thể chủ động được việc học và đóng học phí phù hợp với điều kiện kinh tế, cũng như thu nhập của mình.

### 3.3. Đề cương chi tiết các học phần

#### 3.3.1. Đề cương học phần Triết học

1. Tên học phần : **TRIẾT HỌC**
2. Mã học phần
3. Số tín chỉ : 4(4,0,8)
4. Loại học phần : Kiến thức chung
5. Bộ môn giảng dạy : Lý luận chính trị
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính – Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phan Thị Hiên	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP. HCM
2	Võ Văn Thành	Tiến sĩ	Thỉnh giảng
3	Nguyễn Thị Tường Duy	Thạc sĩ	Đại học CNTP TP. HCM
4	Huỳnh Tuấn Linh	Thạc sĩ	Đại học CNTP TP. HCM

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 60 tiết
- Tự học: 120 tiết
- Lý thuyết: 60 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

##### - Về kiến thức

+ Nắm được khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết phương Đông, phương Tây và triết học Mác – Lênin.

+ Hiểu rõ hơn về vai trò của Triết học với tư cách là thế giới quan, phương pháp luận trong việc nhận thức và cải tạo hiện thực.

+ Làm sáng tỏ mối quan hệ giữa triết học với các ngành khoa học khác, nhất là đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.

+ Hiểu được cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học – công nghệ của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

#### – Về kĩ năng

+ Giải quyết được các vấn đề của thực tiễn, đời sống trên quan điểm khoa học, biện chứng.

+ Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học để góp phần phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn cũng như cuộc sống đặt ra.

Tin tưởng vào sự phát triển tất yếu của lịch sử, xã hội hướng tới tự do, tiến bộ.

#### 11. Mô tả vấn đề nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

+ Chương 1: gồm các nội dung: Khái lược về Triết học, Triết học phương Tây, Triết học phương Đông và triết học Mác.

+ Chương 2: vấn đề Bản thể luận trong lịch sử triết học,; quan điểm của Chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất và ý thức.

+ Chương 3: bao gồm các quan niệm về: biện chứng, phép biện chứng và phép biện chứng duy vật.

+ Chương 4: Quan điểm về nhận thức; sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

+ Chương 5: Các nội dung của học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội.

+ Chương 6: Các tư tưởng chính trị trong lịch sử.

+ Chương 7: Ý thức xã hội.

+ Chương 8: Vấn đề con người

#### 3.3.2. Đề cương học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh

1. Tên học phần : **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG KINH DOANH**

2. Mã học phần :

3. Số tín chỉ : 2(2,0,4)

4. Loại học phần :
5. Bộ môn giảng dạy :
6. Đối tượng học : Học viên cao học
7. Giảng viên giảng dạy:

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
1	Nguyễn Xuân Hoàn	PGS.TS	Đại học CNTP TP.HCM
2	Nguyễn Duy Thục	PGS.TS	Đại học CNTP TP.HCM
3	Đình Phi Hồ	PGS.TS	Đại học Kinh tế TP.HCM

8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng:

1. Có đủ kiến thức cơ bản và nắm vững công cụ phân tích để thực hiện nghiên cứu khoa học và nghiên cứu luận án.
2. Viết bài báo khoa học từ kết quả nghiên cứu

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng cần thiết của nhà nghiên cứu. Nội dung giảng dạy tập trung vào 2 nhóm kiến thức: (2) Công cụ phân tích định lượng trong nghiên cứu và (2) Viết bài báo khoa học.

### 3.3.3. Đề cương học phần Thị trường tài chính và các định chế tài chính

1. Tên học phần : **THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức cơ sở
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phan Ngọc Trung	Tiến sĩ	Trường ĐH CNTP
2	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS	Đại học Tài chính Marketing
3	Võ Đức Toàn	Tiến sĩ	Đại học Sài Gòn

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

##### **Về kiến thức:**

- Thông hiểu được các vấn đề liên quan đến hệ thống tài chính, thị trường tài chính và các trung gian tài chính.



- Nắm được cấu trúc, hoạt động, xu hướng của các thị trường tài chính: thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu, thị trường hối đoái, thị trường thế chấp, thị trường tài chính phái sinh.

- Nắm được cấu trúc, hoạt động, xu hướng của các định chế tài chính trung gian: tổ chức ngân hàng và tổ chức phi ngân hàng.

#### **Về kỹ năng:**

- Phát triển kỹ năng giải thích, phân tích tác động giữa thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trong hệ thống tài chính

- Phát triển khả năng phân tích, tư duy cũng như nắm bắt được một cách cơ bản quá trình vận hành của thị trường tài chính thông qua các thị trường cụ thể như: thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu và các định chế tài chính bao gồm ngân hàng và các tổ chức phi ngân hàng.

- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

#### **Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;

- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;

#### **11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về hệ thống tài chính hiện đại, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trong hệ thống tài chính. Bên cạnh đó, học phần nghiên cứu về cấu trúc và hoạt động của thị trường tài chính thông qua các thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu ... và các định chế tài chính.

#### **3.3.4. Đề cương học phần Dự báo trong kinh doanh và kinh tế**

1. Tên học phần : **DỰ BÁO TRONG KINH DOANH VÀ KINH TẾ**
2. Mã học phần
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Học phần tự chọn
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính - Ngân hàng

6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng

7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn Tuấn	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP. HCM
2	Phan Ngọc Trung	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP. HCM
3	Nguyễn Xuân Quyết	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP. HCM

8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành: 00 tiết

9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Theo nội dung trong chương trình đào tạo
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

**Về kiến thức:**

- Biết các phương pháp dự báo căn bản sử dụng trong việc phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội, làm cơ sở để ra quyết định trong kinh doanh;

- Nắm rõ quy trình thực hiện dự báo, chuẩn bị dữ liệu và phương tiện để thực hiện quy trình dự báo;

**Về kĩ năng:**

- Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội;

- Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc xử lý dữ liệu (Excel, Eview,...) vào công việc thực tiễn;

- Nắm được ý nghĩa của giá trị dự báo;

- Có kỹ năng đề xuất, cải tiến và nâng cấp các HTTT;

- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

#### **Về thái độ:**

- Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của môn học dự báo trong kinh doanh và kinh tế;

- Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến môn học;

- Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về sau.

#### 11. Mô tả văn tắt nội dung học phần:

Môn học dự báo trong kinh doanh và kinh tế sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về khoa học dự báo cụ thể:

- Cung cấp kiến thức căn bản về khoa học dự báo một cách có hệ về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp bao gồm:

+ Các mô hình dự báo định tính như phương pháp chuyên gia;

+ Các mô hình dự báo bằng phương pháp định lượng phổ biến nhất như: đường số mũ, hồi qui, phương pháp chuỗi thời gian và mô hình trong lĩnh vực kinh tế;

- Nhằm trang bị cho học viên kỹ năng biết vận dụng các mô hình dự báo để hoạch định trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh.

- Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

#### **3.3.5. Đề cương học phần Hệ thống thông tin quản lý**

1. Tên học phần : **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Học phần tự chọn
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính - Ngân hàng
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính -Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trần Phước	PGS.TS	Đại học CNTP TP.HCM
2	Nguyễn Duy Thục	PGS.TS	Đại học CNTP TP.HCM
3	Đình Phi Hồ	PGS.TS	Đại học Kinh tế TP. HCM

8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (Thảo luận): 00 tiết

9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Theo nội dung trong chương trình đào tạo
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

**Về kiến thức:**

- Nêu các khái niệm, vai trò của các loại hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm và phương pháp quản lý phần cứng, phần mềm, dữ liệu, mạng truyền thông, Internet.

- Trình bày các phương pháp xây dựng, triển khai HTTT quản trị và tác động đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.

- Phân tích các khả năng ứng dụng HTTT quản trị trong các hoạt động của doanh nghiệp ở cả ba cấp chiến lược, chiến thuật, và tác nghiệp.

**Về kĩ năng:**

- Vận dụng những kiến thức đã học vào công tác xây dựng, triển khai và quản lý HTTT trong tổ chức, doanh nghiệp.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các môn học tiếp theo và các công việc thực tiễn.

- Có các kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về hệ thống thông tin.

- Có kỹ năng đề xuất, cải tiến và nâng cấp các HTTT.
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

**Về thái độ:**

- Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của hệ thống thông tin đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế.

- Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hệ thống thông tin.

- Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về.

**11. Mô tả vấn đề nội dung học phần:**

- Môn học hệ thống thông tin quản lý sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về công tác xây dựng, triển khai và quản lý hệ thống thông tin (HTTT) cụ thể:

- Môn học quản lý HTTT sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về công tác xây dựng, triển khai và quản lý HTTT trong tổ chức, doanh nghiệp;

- Trang bị cho học viên kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về hệ thống thông tin;

- Trang bị cho học viên kiến thức về hệ thống thông tin quản lý cụ thể:

+ Quản lý chuỗi cung ứng;

+ Giao dịch với khách hàng thông qua ứng dụng thương mại điện tử;

+ Trong dịch vụ logistics

+ Trong quản lý nội bộ thông qua mạng internet (thệ thống thông tin trong tự động hóa văn phòng)

+ ...

### 3.3.6. Đề cương học phần Luật kinh tế

1. Tên học phần : **LUẬT KINH TẾ**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức cơ sở tự chọn
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính – Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy :

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đặng Công Tráng	Tiến sĩ	Thỉnh giảng
2	Phan Thị Hiền	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP. HCM

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 00 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

##### - Về kiến thức:

+ Học viên nắm vững được địa vị pháp lý của các loại hình chủ thể kinh doanh (tổ chức kinh tế và cá nhân kinh doanh) tại Việt Nam hiện nay.

+ Xác định được các quy định của pháp luật về thành lập, đăng ký kinh doanh, cơ cấu tổ chức quản lý, chế độ vốn tài chính của các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật về: hoạt động đầu tư kinh doanh; cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh; thương mại hàng hóa; thương mại dịch vụ; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại; các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại; lao động.

**- Về kỹ năng:**

+ Học viên có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật đã học để thành lập và đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã.

+ Vận dụng kiến thức pháp luật đã học để tiến hành thủ tục pháp lý về giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

+ Vận dụng kiến thức pháp luật đã học để quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực pháp lý như ký kết thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa dịch vụ; tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại, trung gian thương mại...

+ Vận dụng kiến thức về bản quyền để bảo vệ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp.

+ Vận dụng kiến thức về tố tụng để tự bảo vệ quyền lợi khi bị vi phạm.

+ Vận dụng kiến thức về pháp luật lao động để tham gia các quan hệ lao động, quản lý lao động trong doanh nghiệp.

+ Phát triển được các mối quan hệ giao tiếp tốt với các đối tác, cơ quan hữu quan và khách hàng.

+ Biết cách thức thu thập những thông tin cần thiết cho việc nghiên cứu.

+ Tổ chức được, thực hiện được các kế hoạch, chương trình hành động của nhóm.

+ Thiết kế, điều khiển được buổi thuyết trình đi đúng chủ đề, đúng mục tiêu.

**- Về thái độ:**

+ Có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

+ Ý thức kỷ luật về chấp hành pháp luật nhà nước, các tập quán trong giao thương.

+ Coi trọng và thực hiện nghiêm túc các qui chế điều lệ của tổ chức/đơn vị; tuân thủ đúng các qui định của hợp đồng.

+ Ý thức về trách nhiệm của bản thân khi thực hiện công việc.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm các nội dung sau:

+ Khái niệm cơ bản về Pháp luật áp dụng trong hoạt động kinh doanh; hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật áp dụng trong hoạt động kinh doanh; vai trò của pháp luật trong việc kiến tạo môi trường cho hoạt động kinh doanh và là công cụ quan trọng của nhà nước về quản lý kinh tế.

+ Phân biệt các loại hình doanh nghiệp cũng như các mô hình kinh doanh khác đang hoạt động trong nền kinh tế; thực hiện bộ hồ sơ và các thủ tục cần thiết để tiến hành thành lập một doanh nghiệp nhỏ và các bước để triển khai hoạt động; cấu trúc bộ máy của các loại công ty, cách thức vận hành của chúng; địa vị pháp lý của các loại doanh nghiệp, điểm mạnh cũng như điểm yếu của chúng khi hoạt động; cách thức quản lý kinh tế của nhà nước thông qua các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, danh mục các ngành nghề kinh doanh, điều kiện kinh doanh, giấy phép, thẩm quyền kinh tế của doanh nghiệp được cấp phép.

+ Cách thức quản lý kinh tế của nhà nước thông qua các thủ tục đăng ký cấp giấy phép đầu tư, danh mục các ngành nghề kinh doanh, điều kiện kinh doanh, thủ tục thẩm định dự án, danh mục phân loại dự án đầu tư; các thủ tục và cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt cấp phép dự án đầu tư; phân biệt các hình thức đầu tư, các ưu thế và hạn chế của từng hình thức đầu tư; cơ chế ưu đãi khuyến khích đầu tư, các biện pháp bảo đảm đầu tư; các thủ tục hồ sơ cần thiết để tiến hành một hình thức đầu tư đơn giản.

+ Tầm quan trọng của cạnh tranh và lý do cần thiết phải duy trì cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường; các khái niệm về cạnh tranh, hành vi dẫn đến hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh; phân biệt các hành vi hạn chế cạnh tranh, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh; các phương thức pháp luật qui định để tự bảo vệ quyền lợi khi bị các hành vi hạn chế cạnh tranh hay cạnh tranh không lành mạnh xâm hại.

+ Phân biệt tình trạng phá sản và giải thể doanh nghiệp; thời điểm doanh nghiệp lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán và có thể phải nộp đơn yêu cầu phá sản; trình tự và thủ tục tiến hành xem xét phá sản một doanh nghiệp; cách thức phân chia tài sản doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản.

+ Vai trò và các công cụ của nhà nước trong việc quản lý thị trường; trách nhiệm của người kinh doanh về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; các khái niệm về hợp



đồng dân sự, hợp đồng kinh doanh - thương mại, hợp đồng mua bán hàng hóa; quá trình hình thành một hợp đồng, các nội dung quan trọng của hợp đồng mua bán hàng hóa; vai trò, chức năng và cách thức vận hành của sở giao dịch hàng hóa.

+ Vai trò và qui trình của hoạt động đấu giá hàng hóa, cách thức tổ chức một phiên đấu giá; vai trò và qui trình của hoạt động đấu thầu hàng hóa, cách thức tổ chức một phiên đấu thầu.

+ Áp dụng ưu điểm và khắc phục nhược điểm của các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh – thương mại; khi nào thì doanh nghiệp sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh – thương mại; trình tự và thủ tục tiến hành giải quyết tranh chấp kinh doanh – thương mại; qui trình thi hành quyết định- bản án tranh chấp kinh doanh – thương mại.

### 3.3.7. Đề cương học phần Tiền tệ ngân hàng

1. Tên học phần : **TIỀN TỆ NGÂN HÀNG**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức cơ sở
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Xuân Hiệp	Tiến sỹ	Đại học CNTP TP.HCM
2	Võ Đức Toàn	Tiến sỹ	Đại học Sài Gòn

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

**Về kiến thức:**

- Thông hiểu được các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng, lãi suất, lạm phát, chính sách tiền tệ và mối liên hệ giữa hoạt động ngân hàng và chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương.

- Nắm được những cơ sở của lãi suất, cấu trúc rủi ro và cấu trúc kỳ hạn của lãi suất.

- Nắm được các nội dung của chính sách tiền tệ như: công cụ của chính sách tiền tệ, chiến lược của chính sách tiền tệ và cơ chế truyền dẫn của chính sách tiền tệ.

- Hiểu các học thuyết về cung cầu tiền tệ từ đó có thể phân tích được cung cầu tiền tệ.

**Về kĩ năng:**

- Giải thích, phân tích một cách cơ bản các hiện tượng xảy ra trong nền kinh tế tiền tệ như biến động lãi suất, lạm phát, những thay đổi trong lựa chọn mục tiêu và công cụ chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương. Trên cơ sở đó, đưa ra một số khuyến nghị chính sách phù hợp.

- Phát triển khả năng phân tích, tư duy cũng như nắm bắt được một cách cơ bản quá trình vận hành nền kinh tế để có thể phù hợp với các vị trí công việc trong ngành tài chính và ngân hàng.

- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

**Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;

- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức căn bản và chuyên sâu về tiền tệ, lãi suất, ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ, trên cơ sở đó người học có thể giải thích, phân tích một cách cơ bản các hiện tượng xảy ra trong nền kinh tế tiền tệ như biến động lãi suất, lạm phát, những thay đổi trong lựa chọn mục tiêu và công cụ chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương.

### 3.3.8. Đề cương học phần Quản trị tài chính hiện đại

1. Tên học phần : **QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH HIỆN ĐẠI**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn Tuấn	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.Hồ Chí Minh
2	Đỗ Đoàn Trang	Tiến sĩ	Đại học Bình Dương

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

**Về kiến thức:** Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về:

- Ra quyết định đầu tư vốn dựa trên các chỉ tiêu đánh giá dự án
- Hoạch định ngân sách vốn, chi phí vốn, cấu trúc vốn tối ưu
- Chính sách cổ tức và quản trị vốn lưu động

**Về kĩ năng:** Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

- Tính hiện giá thu nhập thuần (NPV), suất sinh lợi nội bộ (IRR), Thời gian hoàn vốn (PP) và thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP), lợi nhuận kế toán bình quân (ARR), suất sinh lợi nội bộ hiệu chỉnh (MIRR) và chỉ số sinh lợi (PI).
- Phân tích tình huống, phân tích hòa vốn và phân tích độ nhạy, phân tích quyền chọn thực và mô hình cây ra quyết định.
- Xác định được chi phí vốn bình quân có trọng số và cấu trúc vốn tối ưu
- Định giá và hoạch định ngân sách vốn cho công ty có nợ.
- Phân tích chính sách cổ tức và đưa ra quyết định quản trị vốn lưu động của doanh nghiệp.
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

**Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;
- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;
- Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận trong học tập, công việc.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học sẽ trình bày các vấn đề cơ bản sau đây:

- Trình bày các kiến thức về các chỉ tiêu đánh giá dự án và vận dụng đưa ra quyết định đầu tư.
- Kiến thức nhằm Phân tích tình huống, phân tích hòa vốn và phân tích độ nhạy, phân tích quyền chọn thực và mô hình cây ra quyết định.
- Kiến thức xác định được chi phí vốn bình quân có trọng số và cấu trúc vốn tối ưu.
- Kiến thức Định giá và hoạch định ngân sách vốn cho công ty có nợ.
- Kiến thức để về chính sách cổ tức và đưa ra quyết định quản trị vốn lưu động của doanh nghiệp.

### 3.3.9. Đề cương học phần Báo cáo tài chính-phân tích, dự báo&định giá

1. Tên học phần : **BÁO CÁO TÀI CHÍNH – PHÂN TÍCH, DỰ BÁO VÀ ĐỊNH GIÁ**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính Kế toán
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS	Đại học Công nghiệp TP.HCM
2	Nguyễn Thị Trúc Phương	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
3	Đặng Hữu Giang	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

**Về kiến thức:** Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về:

- Kiến thức tổng quan về báo cáo tài chính
- Cách phân tích báo cáo tài chính
- Định giá tài sản, nguồn vốn, phân tích khả năng sinh lời, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính ngắn hạn

- Dự báo báo cáo tài chính
- Các phương pháp định giá : dựa trên dòng tiền, dựa trên lợi nhuận và dựa trên thị trường

### **Về kĩ năng:**

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

- Hiểu được tổng quan báo cáo tài chính và tính toán các tỷ số tài chính
- Phân tích các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp
- Lập báo cáo tài chính dự báo cho tầm trung và dài hạn
- Định giá doanh nghiệp thông qua cách tiếp cận dựa trên dòng tiền, dựa trên lợi nhuận và dựa trên thị trường
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

### **Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;
- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;
- Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận trong học tập, công việc.

### 11. Mô tả vấn đề nội dung học phần:

Môn học sẽ trình bày các vấn đề cơ bản sau đây:

- Trình bày các kiến thức chung về báo cáo tài chính
- Trình bày các kiến thức Cách phân tích báo cáo tài chính
- Trình bày các kiến thức Định giá tài sản, nguồn vốn, phân tích khả năng sinh lời, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính ngắn hạn
- Trình bày các kiến thức Dự báo báo cáo tài chính
- Trình bày các kiến thức Các phương pháp định giá : dựa trên dòng tiền, dựa trên lợi nhuận và dựa trên thị trường

### 3.3.10. Đề cương học phần Phân tích chính sách thuế

1. Tên học phần : **PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH THUẾ**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính Kế toán
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Trúc Phương	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
2	Bùi Hồng Điệp	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
3	Lê Tấn Phước	Tiến sĩ	Đại học Kinh tế TP.HCM

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

**Về kiến thức:** Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về:

- Tổng quan về thuế
- Các công cụ thuế : Thuế lương, thuế tiêu dùng, thuế đầu tư và tài sản, thuế công ty
- Tác động chính sách thuế đối với cá nhân, công ty
- Tác động chính sách thuế đối với tiêu dùng
- Tác động chính sách thuế đối với đầu tư và tài sản

### **Về kĩ năng:**

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

- Nắm được bản chất của thuế trên những lĩnh vực khác nhau, phạm vi tác động.
- Hiểu được căn nguyên của việc ban hành một chính sách thuế và những thách thức xuất phát từ thực tế.
- Phân tích được thực tiễn vận hành chính sách thuế của Việt Nam.
- Xác định được định hướng nghiên cứu chính sách thuế ở những góc độ khác nhau.
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

### **Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;
- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;
- Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận trong học tập, công việc.

### **11. Mô tả vấn đề nội dung học phần:**

Môn học sẽ trình bày các vấn đề cơ bản sau đây:

- Trình bày các kiến thức Thuế và các công cụ phân tích chính sách thuế.
- Trình bày các kiến thức Mô hình thuế tối ưu.
- Trình bày các kiến thức Phân tích chính sách thuế đánh vào lao động, thuế tiêu dùng.
- Trình bày các kiến thức mô hình thuế đầu tư và tài sản, mô hình thuế công ty



### 3.3.11. Đề cương học phần Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính

1. Tên học phần : **SẢN PHẨM PHÁI SINH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Trúc Phương	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
2	Nguyễn Nam Thắng	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
3	Võ Đức Toàn	Tiến sĩ	Đại học Sài Gòn

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

**Về kiến thức:** Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về:

- Quyền chọn: Cấu trúc thị trường, các nguyên tắc định giá, nội dung định giá bằng mô hình nhị phân và mô hình Black-Scholes-Merton, các chiến lược quyền chọn

- Kỳ hạn, giao sau và hoán đổi : cấu trúc thị trường; các nguyên lý định giá kỳ hạn, giao sau và quyền chọn trên hợp đồng giao sau; chiến lược kinh doanh chênh lệch các hợp đồng giao sau và Hoán đổi
- Quản trị rủi ro tài chính – kỹ thuật và ứng dụng
- Quản trị rủi ro trong một tổ chức

### **Về kỹ năng:**

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

- Nhận diện và hiểu được các công cụ phái sinh: quyền chọn, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng giao sau và hoán đổi
- Giải thích được mối quan hệ giữa thị trường giao ngay và thị trường công cụ phái sinh thông qua các cơ chế hoạt động của kinh doanh chênh lệch, lưu giữ và giao nhận
- Mô tả được các đặc tính tổ chức quản lý, quy trình hoạt động, cách thức giao dịch, định giá và các chiến lược trong thị trường quyền chọn
- Mô tả được các đặc tính tổ chức quản lý, quy trình hoạt động, cách thức giao dịch, định giá và các chiến lược trong thị trường kỳ hạn, giao sau và hoán đổi
- Vận dụng được các kiến thức về các sản phẩm phái sinh này vào những tình huống cụ thể giảm thiểu rủi ro tài chính và gia tăng lợi nhuận
- Hiểu, nhận biết được các khái niệm và lợi ích của quản trị rủi ro; các hệ số, cách tính toán và phương pháp Giá trị có rủi ro (VAR) để vận dụng vào việc kiểm soát các rủi ro tín dụng
- Hiểu được các nguyên lý dẫn dắt đến một cấu trúc tổ chức quản trị rủi ro hiệu quả, các vấn đề liên quan đến kế toán sản phẩm phái sinh, từ đó nghiên cứu và rút ra bài học vận dụng từ các chủ điểm quan trọng liên quan đến trách nhiệm của quản trị cấp cao đối với các công cụ phái sinh của công ty và chức năng quản trị rủi ro
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

### **Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;

- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;
- Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận trong học tập, công việc.

#### 11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học sẽ trình bày các nội dung sau đây:

- Trình bày các kiến thức về Quyền chọn: Cấu trúc thị trường, các nguyên tắc định giá, nội dung định giá bằng mô hình nhị phân và mô hình Black-Scholes-Merton, các chiến lược quyền chọn
- Trình bày các kiến thức về Kỳ hạn, giao sau và hoán đổi : cấu trúc thị trường; các nguyên lý định giá kỳ hạn, giao sau và quyền chọn trên hợp đồng giao sau; chiến lược kinh doanh chênh lệch các hợp đồng giao sau và Hoán đổi
- Trình bày các kiến thức về Quản trị rủi ro tài chính – kỹ thuật và ứng dụng
- Trình bày các kiến thức về Quản trị rủi ro trong một tổ chức

#### 3.3.12. Đề cương học phần Mô hình tài chính

1. Tên học phần : **MÔ HÌNH TÀI CHÍNH**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Học phần tự chọn
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính - Ngân hàng
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính -Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy :

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS	Đại học Công Nghiệp TP. HCM
2	Nguyễn Văn Tuấn	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
3	Đặng Hữu Giang	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết

– Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 0 tiết

9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

– Học phần tiên quyết: Lý thuyết tài chính tiền tệ (6008401)

– Học phần trước: không

– Học phần song hành: không

10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

**Về kiến thức:**

- Trình bày được các vấn đề liên quan đến chuyên ngành được đào tạo thông qua bảng tính Excel và một số phần mềm thống kê chuyên dụng;

- Giải thích được qui luật vận hành của nền kinh tế thị trường, thị trường tài chính trong và ngoài nước, thực hành được các nghiệp vụ tài chính trên bảng tính Excel và các phần mềm thống kê chuyên dụng như:

+ Tính toán chi phí sử dụng vốn, lập mô hình kế hoạch tài chính và định giá doanh nghiệp;

+ Xây dựng mô hình danh mục đầu tư chứng khoán;

+ Xây dựng mô hình dự báo tài chính.

**Về kỹ năng:**

- Sử dụng thành thạo các công cụ bảng tính Excel và các phần mềm thống kê chuyên dụng phục vụ cho chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các môn học tiếp theo và các công việc thực tiễn.

- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sỹ.

**Về thái độ:**

- Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của hệ thống thông tin đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế.

- Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hệ thống thông tin.

- Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về.

### 11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Bao gồm các vấn đề lý luận và ứng dụng vào thực tiễn thông qua việc thực hành được các nghiệp vụ tài chính trên bảng tính Excel và các phần mềm thống kê chuyên dụng như:

- Cách lập mô hình bằng bảng tính Excel;
- Tính toán chi phí sử dụng vốn;
- Lập mô hình kế hoạch tài chính và định giá doanh nghiệp;
- Xây dựng mô hình danh mục đầu tư chứng khoán;
- Xây dựng mô hình dự báo tài chính.

### 3.3.13. Đề cương học phần Tài chính quốc tế

1. Tên học phần : **TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Phan Ngọc Trung	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
2	Đỗ Đoàn Trang	Tiến sĩ	Đại học Bình Dương

### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không

- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

**Về kiến thức:** Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về:

- Thị trường tài chính quốc tế
- Thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán
- Các vấn đề về tỷ giá và vận dụng trong kinh doanh ngoại hối và xuất khẩu
- Đầu tư nước ngoài

**Về kỹ năng:**

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

- Hiểu và nắm được cấu trúc của thị trường tài chính quốc tế và đặc điểm của các bộ phận thị trường tài chính quốc tế
- Am hiểu đặc điểm và cách thức vận hành thị trường ngoại hối trên thế giới
- Hiểu rõ cấu trúc của cán cân thanh toán quốc tế và các yếu tố tác động đến CCTK vãng lai và CCTK tài chính. Kiểm định các yếu tố này lên CCTM trường hợp Việt nam và các nước
- Cách thức vận dụng các phái sinh tiền tệ trong phòng ngừa rủi ro tỷ giá
- Hiểu rõ và vận dụng cách thức kiểm định ba lý thuyết qua trọng trên thị trường TCQT
- Hiểu được cách thức vận động của chính phủ đến tỷ giá và việc điều hành tỷ giá đã ảnh hưởng đến tăng trưởng, hội nhập kinh tế và khủng hoảng tài chính tại các quốc gia
- Hiểu và vận dụng tốt lý thuyết bất khả thi để giải thích các lựa chọn chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế Việt Nam
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

**Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;
- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;
- Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận trong học tập, công việc.

### 11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học sẽ trình bày các vấn đề cơ bản sau đây:

- Trình bày các kiến thức Thị trường tài chính quốc tế
- Trình bày các kiến thức Thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán
- Trình bày các kiến thức Các vấn đề về tỷ giá và vận dụng trong kinh doanh ngoại hối và xuất khẩu
- Trình bày các kiến thức Đầu tư nước ngoài

### 3.3.14. Đề cương học phần Ngân hàng hiện đại

1. Tên học phần : **NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Xuân Hiệp	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
2	Nguyễn Nam Thắng	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM

### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Tiền tệ ngân hàng, Thị trường tài chính và các định chế tài chính.
- Học phần song hành: không

## 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

### **Về kiến thức:**

- Thông hiểu những hoạt động của ngân hàng hiện đại.
- Nắm được tầm quan trọng và cách thức đa dạng hóa hoạt động ngân hàng.
- Nắm được cách thức quản lý rủi ro và chuẩn mực Basel trong quản lý rủi ro ngân hàng.
- Nắm được quy chế toàn cầu và cơ cấu của ngân hàng hiện đại.
- Phân tích hoạt động của các ngân hàng tại các nước phát triển và tại các nền kinh tế mới nổi.
- Nắm được những trường hợp ngân hàng thất bại và những cuộc khủng hoảng tài chính trên thế giới.
- Hiểu được những hoạt động cạnh tranh của ngân hàng hiện đại.

### **Về kĩ năng:**

- Hình thành và phát triển các kỹ năng vận dụng lý thuyết để phân tích những hoạt động, quy chế, sản phẩm dịch vụ của một NHTM hiện đại.
- Có khả năng nghiên cứu những vấn đề liên quan đến rủi ro, cạnh tranh, thành công hay thất bại của các trung gian tài chính.
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

### **Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;
- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;

## 11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về hoạt động ngân hàng hiện đại trong hệ thống ngân hàng toàn cầu. Với các tình huống tại các ngân hàng ở các nước phát triển và đang phát triển, học phần này phân tích về quy chế và cơ cấu ngân hàng hiện đại, sự đa dạng hóa hoạt động của ngân hàng và chiến lược quản lý rủi ro của ngân hàng hiện nay. Ngoài ra, học phần này còn nghiên cứu về



những trường hợp thất bại của các ngân hàng trên thế giới, các cuộc khủng hoảng tài chính và những trường hợp đặc biệt khác của ngành ngân hàng.

### 3.3.15. Đề cương học phần Quản trị ngân hàng hiện đại

1. Tên học phần : **QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Xuân Hiệp	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
2	Trần Huy Hoàng	PGS.TS	Đại học Tài chính Marketing TP.HCM

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: Tiền tệ ngân hàng, Thị trường tài chính và các định chế tài chính.

- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

##### **Về kiến thức:**

- Thông hiểu những vấn đề cơ bản về quản trị ngân hàng;

- Đọc hiểu các báo cáo tài chính của ngân hàng và phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh của ngân hàng;

- Thông hiểu các chiến lược quản trị kinh doanh ngân hàng: quản trị nguồn vốn, quản trị tài sản, quản trị rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro ngoại hối, quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro lãi suất, quản trị nguồn nhân lực ...

- Phân tích và đánh giá các thương vụ sáp nhập, mua lại của ngân hàng và chiến lược quản trị hoạt động sáp nhập, mua lại ngân hàng.

#### **Về kĩ năng:**

- Phát triển khả năng của người học trong việc phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định quản trị đối với các lĩnh vực hoạt động của NHTM.

- Có khả năng nghiên cứu những vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh của các trung gian tài chính, cung cấp cho học viên phương pháp phân tích, đánh giá và ra quyết định quản trị.

- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

#### **Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;

- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;

#### **11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị ngân hàng thương mại hiện đại trong xu thế hội nhập toàn cầu. Với các nội dung phong phú đi từ tổng quan đến các nội dung cụ thể trong quản trị ngân hàng như: Quản trị nguồn vốn, Quản trị Tài sản, Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, Quản trị bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực, Quản trị hoạt động sáp nhập và mua lại ngân hàng ..., người học sẽ tiếp cận và nắm bắt các nội dung, phương pháp quản trị ngân hàng hiện đại nhằm đạt hiệu quả tối ưu.

### 3.3.16. Đề cương học phần Quản trị danh mục đầu tư

1. Tên học phần : **QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Đặng Hữu Giang	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
2	Trần Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
3	Đỗ Hữu Hải	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 0 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

**Về kiến thức:** Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về quản trị danh mục đầu tư và các chủ đề về quản trị danh mục đầu tư:

- Xác định lợi nhuận và rủi ro danh mục, Độ e ngại rủi ro và Chiến lược phân phối vốn vào tài sản rủi ro, Danh mục rủi ro tối ưu, Mô hình chỉ số, Mô hình định giá tài sản vốn

- Lý thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro, và giả thuyết thị trường hiệu quả

- Tài chính hành vi và phân tích kỹ thuật thông qua các mô hình chỉ số, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa yếu tố, mô hình Fama-French 3 yếu tố, ...

- Các chủ đề về quản trị danh mục trái phiếu và cổ phiếu, đánh giá hiệu quả hoạt động danh mục, chiến lược quỹ phòng vệ và lý thuyết quản trị danh mục chủ động.

### **Về kĩ năng:**

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

- Xác định lợi nhuận và rủi ro danh mục
- Xác định danh mục rủi ro tối ưu
- Phân tích mô hình chỉ số và mô hình định giá tài sản vốn
- Phân tích lý thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro
- Phân tích giả thuyết về thị trường hiệu quả
- Phân tích và đánh giá các mô hình lợi nhuận chứng khoán trong thực tiễn
- Định giá trái phiếu và suất sinh lợi của trái phiếu, xác định cấu trúc kỳ hạn của trái phiếu
- Phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích báo cáo tài chính
- Định giá cổ phiếu
- Định giá hiệu quả hoạt động danh mục
- Thực hành chiến lược quỹ phòng vệ
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

### **Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;
- Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;
- Rèn luyện tính tỉ mỉ, cẩn thận trong học tập, công việc.

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học sẽ trình bày các vấn đề cơ bản sau đây:

- Trình bày các kiến thức về Xác định lợi nhuận và rủi ro danh mục, danh mục rủi ro tối ưu
- Trình bày các kiến thức và kỹ thuật phân tích mô hình chỉ số và mô hình định giá tài sản vốn, lý thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro, giả thuyết về thị trường hiệu quả
- Trình bày các kiến thức về kỹ thuật phân tích, định giá chứng khoán và đánh giá đánh giá các mô hình lợi nhuận chứng khoán trong thực tiễn
- Trình bày các kỹ thuật phân tích kinh tế vĩ mô, kinh tế ngành ... nhằm định giá hiệu quả hoạt động danh mục

### 3.3.17. Đề cương học phần Quản trị dự án đầu tư

1. Tên học phần : **QUẢN TRỊ DỰ ÁN**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
4. Loại học phần : Học phần tự chọn
5. Bộ môn giảng dạy : Tài chính - Ngân hàng
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Bùi Hồng Điệp	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
2	Trần Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM
3	Đỗ Hữu Hải	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP.HCM

8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (Thảo luận): 00 tiết

9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Theo nội dung trong chương trình đào tạo

- Học phần trước: không
  - Học phần song hành: không
10. Chuẩn đầu ra của học phần:

**Về kiến thức:**

- Học viên biết được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư, quản trị dự án đầu tư, quá trình hình thành và soạn thảo một dự án đầu tư;
- Hiểu được cách phân tích và đánh giá hiệu quả tài chính của dự án từ đó so sánh, lựa chọn phương án đầu tư phù hợp;
- Nắm được cách lập tiến độ thực hiện dự án phù hợp với quy mô nguồn lực.

**Về kỹ năng:**

- Biết vận dụng để phân tích, soạn thảo một dự án đầu tư, đánh giá hiệu quả tài chính dự án từ đó ra quyết định đầu tư;
- Biết vận dụng lý thuyết vào giải quyết các tình huống trong quản trị dự án;
- Biết lập kế hoạch tiến độ và kiểm soát dự án, quản lý rủi ro có thể xảy ra;
- Nhận diện được các nhân tố rủi ro trong quá trình thực hiện các dự án hay các dự án sẽ thực hiện, tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục.
- Học viên có kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm.
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sỹ.

**Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;
- Có tư duy, ý thức trong việc lựa chọn cơ hội đầu tư và lên kế hoạch sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả.

11. Mô tả vấn đề nội dung học phần:

Môn học quản trị dự án đầu tư sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và soạn thảo một dự án đầu tư cụ thể:

- Biết được đặc điểm, nội dung cơ bản của một dự án đầu tư;
- Các nguồn vốn huy động, chu kỳ và phân loại các dự án đầu tư để phục vụ cho quản lý dự án;
- Các nội dung cơ bản của công tác quản trị dự án đầu tư;

- Tìm hiểu sâu hơn về cách phân tích hiệu quả tài chính dự án đầu tư thông qua việc tính toán một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính cơ bản từ đó so sánh, lựa chọn phương án đầu tư phù hợp;

- Hướng dẫn cách xây dựng một sơ đồ mạng công việc trong quản lý tiến độ dự án để từ đó tìm ra được phương án kết hợp tốt nhất giữa thời gian và chi phí của dự án;

- Tìm hiểu và nhận diện các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án để kiểm soát và quản lý rủi ro một cách tốt.

### 3.3.18. Đề cương học phần Quản trị chi phí

1. Tên học phần : **QUẢN TRỊ CHI PHÍ**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2(2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành
5. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính - Ngân hàng
6. Bộ môn giảng dạy :
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Huỳnh Xuân Hiệp	TS	Đại học CNTP TP.HCM
2	Nguyễn Nam Thắng	TS	Đại học CNTP TP.HCM
3	Lê Tấn Phước	TS	Đại học Kinh tế TP.HCM

#### 8. Phân bố thời gian

- Học trên lớp: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Lý thuyết: 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH): 00 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần song hành: không

## 10. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên có các khả năng:

### **Về kiến thức:**

- Học viên biết được những kiến thức cơ bản về quản trị chi phí làm nền tảng cho việc học tập các học phần khác có liên quan.

### **Về kĩ năng:**

- Biết vận dụng để phân tích biến động chi phí tại một doanh nghiệp  
- Biết vận dụng lý thuyết vào việc tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp sản xuất.

- Học viên có kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm.  
- Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

### **Về thái độ:**

- Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;  
- Có tư duy, ý thức trong việc nghiên cứu các vấn đề khác về quản trị chi phí

## 11. Mô tả vấn đề nội dung học phần

Môn học sẽ trình bày các vấn đề nâng cao sau đây:

- Những về chung của quản trị chi phí.
- Các phương pháp phân bổ chi phí của bộ phận phục vụ.
- Phân tích biến động chi phí
- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế.
- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí ước tính.
- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.



### 3.3.19. Đề cương học phần Kiểm soát nội bộ

1. Tên học phần : **KIỂM SOÁT NỘI BỘ**
2. Mã học phần :
3. Số tín chỉ : 2(2,0,4)
4. Loại học phần : Kiến thức chuyên ngành tự chọn
5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính
6. Đối tượng học : Học viên cao học ngành Tài chính – Ngân hàng
7. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Trần Phước	PGS.TS	Đại học CNTP TP. HCM
2	Đỗ Hữu Hải	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP. HCM
3	Nguyễn Xuân Quyết	Tiến sĩ	Đại học CNTP TP. HCM

#### 8. Phân bố thời gian:

- Học trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 60 tiết
- Lý thuyết : 30 tiết
- Thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 00 tiết

#### 9. Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần trước: không
- Học phần song hành: không

#### 10. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các khả năng:

##### - Về kiến thức:

Học viên biết được những kiến thức cơ bản về hệ thống, hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp.

Học viên biết các chu trình kiểm soát trong doanh nghiệp hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp để phòng ngừa gian lận và rủi ro.

Học viên biết phân tích các chu trình kiểm soát trong doanh nghiệp hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp để phòng ngừa gian lận và rủi ro.

- **Về kĩ năng:**

Học viên có thể thực hiện viết quy chế, quy định và nội quy để kiểm soát các hoạt động quản lý trong cơ quan/đơn vị.

Học viên có thể thực hiện thiết kế bằng sơ đồ dòng dữ liệu hay lưu đồ chứng từ về các chu trình sản xuất kinh doanh cơ bản.

Học viên có thể thực hiện đánh giá và nhận biết dấu hiệu của một hệ thống kiểm soát nội bộ tốt hay yếu kém. Từ đó đưa ra các hàm ý hay giải pháp khắc phục.

Áp dụng kiến thức của môn học để nghiên cứu kinh tế và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

- **Về thái độ:**

Thể hiện tinh thần học tập nghiêm túc;

Tự giác học tập, bồi dưỡng các kỹ năng sống và làm việc có sự kiểm soát cho bản thân;

11. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học sẽ trình bày các vấn đề cơ bản sau đây:

- Trình bày các kiến thức liên quan đến các thành phần cơ bản của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Trình bày cách thức tổ chức các chu trình mua hàng, sản xuất, hay bán hàng,...;
- Trình bày các kỹ thuật phân tích và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2018*

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**HIỆU TRƯỞNG**

## **PHẦN 4. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN**

1. Quyết nghị về việc mở ngành hoặc chuyên ngành đăng ký đào tạo (đính kèm hồ sơ minh chứng).
2. Biên bản thông qua đề án của hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo (đính kèm hồ sơ minh chứng).
3. Các biểu mẫu xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, kỹ thuật viên, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo (theo mẫu phụ lục IV); lý lịch khoa học của đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ cơ hữu đúng ngành, chuyên ngành hoặc thuộc ngành, chuyên ngành gắn kèm theo (theo mẫu Phụ lục III) và các bằng tốt nghiệp kèm theo bằng điểm (nếu tốt nghiệp ở nước ngoài thì phải có chứng nhận tương đương văn bằng do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp), (đính kèm hồ sơ minh chứng).
4. Quyết định thành lập hội đồng biên soạn, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (có ghi rõ trình độ, chức danh, ngành/chuyên ngành, đơn vị công tác), (đính kèm hồ sơ minh chứng).
5. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện); có kết luận: đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của hội đồng thẩm định (đính kèm hồ sơ minh chứng).
6. Văn bản giải trình việc tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (nếu có), (đính kèm hồ sơ minh chứng).
7. Minh chứng về các nội dung tại khoản 1 Điều 2; điểm c, d, đ, e, g, h khoản 4 Điều 2 và điểm a, b, c khoản 4 Điều 3 của Thông tư.
8. Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành hoặc chuyên ngành của cơ sở đào tạo (theo mẫu Phụ lục II).
9. Biên bản hội thảo lấy ý kiến về đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.
10. Danh sách các thành viên tham dự hội thảo lấy ý kiến về đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.
11. Bản đóng góp ý kiến đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.
12. Các chương trình đào tạo thạc sĩ kỹ thuật điện đã tham khảo.